

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

- Tranh dầu ở Nhật-Bản. NGHỆ-SĨ
- Địa-vị và giáo-dục phụ-nữ ở nước Đức. TÂN-PHONG
- Mầm sinh-hoạt trên thế-giới xuất hiện từ đời nào ? NGUY-NHƯ KONTUM
- Đi . . . ĐÌNH-GIA-TRINH
- Lược khảo về tiểu-thuyết Tàu, phụ thêm tiểu-thuyết Việt-Nam xưa. TRẦN VĂN-GIÁP
- Việc phục-hưng tiểu-công-nghệ ở Pháp. VŨ-ĐÌNH-HÒE
- Đọc tập kịch « Mơ Hoa » của Đoàn Phú-Tứ. DIỆU-ANH
- Đọc quyển « Tuổi Xanh » của bác-sĩ L. H. Mỹ. VŨ VĂN-CẦN
- Tôi khuyên một bạn trẻ đi buôn. NGUYỄN PHÚC-LỘC
- Đứa con, tiểu thuyết dài. ĐỖ-ĐỨC-THU

**NHÂN DỊP TẾT NHÂM-NGỌ
BÁO THANH - NGHỊ RA MỘT SỔ ĐẶC BIỆT
VĂN - CHƯƠNG VÀ MỸ - THUẬT
vào ngày 10 Février 1942**

NHỮNG BÀI :

THƠ, TIỂU-THUYẾT, TRUYỆN
NGẮN, KỊCH, KÝ-ỨC, TÙY BÚT, —
CÙNG NHỮNG BÀI PHÊ-BÌNH VÀ
KHẢO CỨU VỀ VĂN-CHƯƠNG,
HỘI-HỌA VÀ ÂM - NHẠC....

CỦA :

Vũ Thị-Hiền, Phan-Anh, Diệu-
Anh, Trần Văn-Giáp, Vũ Văn-
Hiền, Vũ Đình-Hòe, Phạm Gia-
Kính, Nguyễn Xuân - Khoát,
ông và bà Hoàng Xuân - Hãn,
Huỳnh - Kiêu, Vũ Đình - Liên,
Nguyễn Phúc-Lộc, Đỗ Đức-Thu,
Đoàn Phú-Tứ, Đinh Gia-Trình,
Tô Ngọc-Vân, Lê Huy-Vân.....



Một cuộc hội họp giữa các văn-gia, thi-gia,
họa - sĩ và nhạc - sĩ trong vườn nghệ - thuật
dưới một bầu sán lạn của trời xuân.

TRANH DẦU NHẬT-BẢN

SAU cuộc trưng bày họa phẩm hoàn toàn tinh cách Nhật, dân Hà-nội lại được tán thưởng những tranh dầu của họa-sĩ Nhật. Những người này phần nhiều du học ở Âu-châu về, thứ nhất là ở Pháp. Họ đã nhập cảng vào xứ những khuynh hướng mới cũ của Hội Họa Âu-châu, và đã đem lại cho nghệ-sĩ Nhật một cách mới diễn tả mỹ cảm cùng một vật liệu mới như sơn dầu.

Hội-Họa sơn dầu rất có duyên với người Á-đông. Ở Nhật số họa-sĩ sơn dầu không kém số nghệ-sĩ thủy hoa Nhật. Ở nước ta thì hầu hết họa-sĩ dùng sơn dầu. Nghệ-sĩ Á-đông bị hội-họa sơn dầu quyến rũ, không vì sự mới lạ của nó, mà vì nghệ thuật ấy thuận tiện cho họ diễn tả những cảm giác phức tạp sôi nổi của thể hệ này.

Ai đã so sánh họa phẩm dầu với họa phẩm Á-đông đều phải nhận hai lối khác nhau ở chỗ lối trên có phạm vi rộng rãi, khiến người ta biểu lộ được những mỹ-cảm rất khác nhau; lối dưới vì chú trọng riêng mình về nét, nên năng lực diễn tả chỉ có độ. Vả lại trong bức tranh lối Á-đông, dù nét bạo dạn, ngang tàng đến đâu, người ta cũng chỉ có cảm tưởng diêm tĩnh ôn hòa của những người ngồi xếp bằng tròn hàng giờ, rung đùi, nhấp từng gợn rượu. Ở tranh Tây ta có thể thấy những tình cảm êm đềm lặng lẽ cũng như những sự rối loạn bồn-chồn của tâm hồn nghệ-sĩ.

So sánh trên đây không phải để tỏ tranh Âu-tây hơn tranh Á-đông hay trái lại, mà để chỉ đối với tâm trạng không dẫn-dị của nghệ-sĩ đời nay, hội-họa dầu là một lợi-khí được việc.

Cuộc bày tranh này đã tỏ cho công chúng ta — mà tầm con mắt hẹp — thấy cái Đẹp không chỉ có một hiện trạng, nhưng nhiều. Người ta có thể vẽ trái hẳn nhau mà vẫn tác tạo nên họa phẩm đẹp. Vẽ người xấu, tranh cũng đẹp. Nhìn cảnh vật ngày thơ, hay đạo-mạo, cũng diễn thành họa phẩm đẹp. Cần thận hay sơ

sai, rung động dịu dàng hay dữ dội cũng sinh ra họa phẩm đẹp. Tiếng « đẹp » ở đây cố nhiên không nên hiểu là nhân vật sinh-sản đẹp dễ, mà ở sự thành công trong việc diễn tả cảm giác của nghệ-sĩ.

Những tranh đẹp ở đây là : « Meo » của Foujita hóm hỉnh, vẽ sơn như người Á-đông vẽ mực Tàu « Tĩnh vật » của Aoyama có những màu êm thấm thía, cảm súc người ta một cách nhẹ nhàng ; « Áo gi-lê xanh » của Ihara với những màu vàng, đỏ, xanh lá cây tương phản mạnh mẽ ; « Ảnh « Monmartre » của Oguiss với vẻ điêu tàn siêu vẹo và những sắc rêu, sắc vôi in dấu vết của thời-gian ; « ga trên đồi » của Sauta, sắc sỡ, ngày thơ, ầu yếm như những đồ chơi trẻ em ; « gái đi » của Satô với hình sắc úa tàn ; « Áo đen » của Inokuma với màu xanh lè và màu đỏ rít ở nền rung nhịp ; « Thiếu phụ ôm mèo » của Kouo với những màu đốm giáng xinh xinh ; « Xanh và Tím » của Togo huyền bí ; « Truyền thần » của Nakayama với ánh sáng bày ra một thảm trạng ; « mùa hạ » của Shimazaki rần rỏi và dẫn-dị ; « Thiếu nữ ngồi » của Miyamoto, « mùa » của Noma, « chùa trên ngọn núi » của Ishb, « cô H » của Nakanishi, « con bo cái » của Suda, « vườn » của Kumaoka, « Trong phòng » của Hiraoka « Truyền thần » của Kinoshita...

Và... nếu phải chọn những bức tranh soàng, không ngần ngại gì, trước hết tôi chỉ bức họa tỉ mỉ cần thận khoa học « con báo » nhồi rơm, nó làm mỗi lần đến phòng triển lãm, tôi cứ bức mình.

NGHỆ-SĨ

Ta ơn người nước Lãng-sa,

Ta thương người nước ta.

TẢN ĐÀ

Thống-chế Pétain đã nói :

« Bước gian-nan cũng đã nhọc nhằn.
Bao nhiêu dân Pháp (ưng thành đã chịu
đựng một cách cao-thượng, đã giúp tôi
gánh vác trọng trách.

« Đối với tôi, thế chưa đủ. Tôi muốn
các người phải có đức tin, tin trong cõi
lòng, tin về lý-trí.

« Tôi muốn các người phải khôn ngoan
và nhẫn nhục. »

ĐỊA-VỊ VÀ GIÁO-DỤC PHỤ-NỮ Ở NƯỚC ĐỨC của TÂN-PHONG

VÀO khoảng giữa năm 1933, trước khi Hitler lên cầm chính quyền, trong 22 triệu rưỡi phụ-nữ Đức thì 11 triệu rưỡi sống ở ngoài gia đình, hoặc đi làm thuê, hoặc đi ở. Cái tình trạng ấy — do sự sinh-hoạt khó khăn sau hồi Đại chiến 1914-18 gây ra — đã đem lại nhiều sự rối nát trong xã-hội; số người thất nghiệp tăng gấp lên, số trẻ con sinh hàng năm sút hẳn xuống; "sự giáo-dục trong gia đình bị sao nhãng khiến cho thanh-niên hư-hỏng ngày một đông; trong khi ấy thì đàn bà cạnh tranh kịch-liệt với đàn ông để đòi cho được ngang hàng về mọi phương-diện.

Muốn lập lại trật-tự trong xã-hội, đảng Quốc gia xã-hội (National-socialisme) bài trừ phong-trào cá-nhân quá đáng và hết sức tuyên truyền khẩu hiệu:

Chức-trách đàn bà là làm mẹ

Đàn bà phải là một người bạn ngang hàng với đàn ông, cùng với đàn ông dắt tay nhau theo đuổi một mục-dịch cao sa hơn những quyền lợi nhỏ nhen của cá-nhân, là sự hùng tráng của dân-tộc. Trong công-cuộc to tát chung ấy mỗi người có một việc: người đàn bà có việc mà tạo-hóa đã dành riêng cho họ là đẻ con và săn-sóc đến thề-chất và tinh-thần của con.

Nước Đức không muốn cho những « cô con gái nửa trai » (garçonne) thích sống một mình, tránh trách-nhiệm lập gia đình. Chính-phủ hết sức khuyến-khích sự kết hôn và đẻ con — bằng cách cho phụ-cấp gia đình, thưởng gia đình đông con, cho người nghèo vay tiền để lấy vợ lấy chồng (mỗi người có thể vay tới 1000 marks) v. v. Muốn cho gia đình được vững chãi và việc hôn-thú có tinh-cách thiêng-liêng, pháp-luật hạn-chế ngặt sự ly-dị: chỉ khi nào có nguyên-nhân xét ra có hại đến nòi giống (bệnh di-truyền, vợ hay chồng khác giống v. v.) thì người Đức mới được phép bỏ vợ hay bỏ chồng.

Thật ra, nhân-loại đã công nhận từ lâu rằng

địa-vị đàn bà là ở trong nhà; nhưng trong xã-hội Quốc-xã Đức, gia đình có liên-lạc mật-thiết về tinh-thần với đoàn-thể to tát hơn là nòi-giống, và ít khi ta thấy chức-trách người mẹ được biểu-dương nhiệt-liệt đến bậc ấy: dễ và giầy dổ con được coi là một việc có tinh-cách quốc-gia và được trọng vọng như một công việc có liên-lạc mật-thiết đến sự sinh-lồn của nòi giống.

Mục-dịch sự giáo-dục, bằng cứ vào lý-tưởng đó, là rèn luyện con gái cho thành những bà mẹ hoàn toàn, cũng như là rèn luyện con trai cho thành những người lính khỏe mạnh và can-dảm.

Công-cuộc giáo-dục phụ-nữ

Từ tháng năm 1933, việc học của con gái Đức ở nhà trường đã thay đổi nhiều. Nhưng sự cải cách ấy không có ảnh hưởng xấu-sa đến tinh-thần phụ-nữ bằng cách tổ-chức ngoài phạm-vi nhà trường.

Trước hết có những công cuộc giáo-dục chung cho cả con gái và con trai.

Muốn cho những thanh-niên trực-tiếp với dân-chúng, làm cho họ yêu thích công việc đồng áng và luyện cho thân thể họ được mạnh mẽ và trong sạch, nhà đương-chức khuyến-khích cách sống khoáng-đãng gần tạo-vật.

Cứ cuối năm 1933, nhiều nơi đã đặt ra lệ bắt học-sinh qua một « thời-kỳ sống ở nhà quê » (période rurale): trong luôn ba tuần-lễ, những thanh-niên sắp học xong bậc trung-học phải dời xa các tỉnh to, về sống riêng từng đoàn ở vùng quê và học tập theo một chương-trình chú-trọng về thể-thao vận-động, công việc canh-nông và huấn-luyện chính-trị.

Từ giữa năm 1933 tại Prusse, sau bậc tiểu học vào khoảng 14 tuổi, trẻ con ở các thành-thị dân số quá 25.000 người đều phải sống qua một năm (année rurale) trong nhà một nông-dân hay trong một trường-trại (ferme-école) và có giấy nhận thực đã qua năm ấy thì mới được phép đi làm hay học thêm.

Những công-cuộc ấy dần dần lan ra khắp nước Đức.

Công-cuộc riêng cho con gái thì có thiếu-nữ-đoàn (Bund Der Madel tắt là B. D. M.) và phụ-nữ cần-lao (service féminin du travail), là những đoàn-thể rồi đây tất cả con gái Đức sẽ bắt buộc phải tham dự vào.

B. D. M. là một hội giáo-dục ở dưới quyền một nữ thủ-lĩnh (fuhrerine) do Hitler cử và do đảng Quốc-xã kiểm-soát. Đoàn chia ra từng xứ, tỉnh, quận v. v. mỗi nơi ủy cho một người trông coi. Con gái vào đoàn từ 11 tuổi, chia ra từng lớp, mỗi lớp nghe theo mệnh-lệnh của một nữ đoàn-trưởng; người cùng lớp trực-tiếp luôn với nhau để cùng du-lịch, vận-động, nghe giảng và thực-hành công việc nội-t trợ. Người ta cũng rất chú-ý đến sự huấn-luyện chính-trị trong thiếu-nữ-đoàn vì con gái cũng cần hiểu rõ trách-nhiệm của mình đối với quốc-gia và nòi-giống.

Ở thiếu-nữ-đoàn ra, khi tới 21 tuổi, con gái Đức phải qua sáu tháng phụ-nữ cần-lao. Trước năm 1933 ở Prusse, nữ học-sinh đã có lệ hàng năm họp nhau thành từng bọn đồng, dùng ngày nghỉ đi về tác thôn-quê để giúp đỡ nông-dân trong công việc gặt hái. Năm 1933, đảng quốc-xã thừa nhận và tổ-chức lại lệ ấy và từ tháng 9 năm 1936 mới đem thực-hành dần ra khắp nước Đức.

Trong sáu tháng cần-lao, con gái Đức chịu một giáo-dục công-cộng có ảnh hưởng sâu-xa đến tinh-thần họ. Tùy theo ý-hướng từng người và sự nhu-cần của xã-hội, họ chia nhau vào ba ban :

Ban thứ nhất mục-dịch là giúp đỡ nông-dân, nhất là nông-dân nhà nước mới đưa đến lập nghiệp ở những nơi đất hoang đương khẩn. Con gái trong ban chia ra từng bọn bốn năm chục người, sống chung trong những « trại » (camps) giải giáp khắp những miền có cây cày. Ngày thì tần nát về các làng xóm để trông nom con cái và việc nhà cho người nhà quê còn bận việc ngoài đồng; tối và giờ nghỉ thì quay về trại, hội-họp để vận-động, họp tập hay nghe huấn-luyện về chính-trị ở dưới quyền một nữ-đoàn-trưởng.

Ban thứ hai và ban thứ ba tổ-chức không khác ban thứ nhất; duy ban thứ hai thì chuyên giúp đỡ những gia-đình nghèo và dòng con ở vùng lân cận các thành-phố to, còn ban thứ ba thì cốt đào-luyện những người nông dân lành nghề, vì thế con gái trong ban làm lấy các công việc ruộng vườn và theo những lớp giảng phổ-thông về khoa canh-nông.

Ở vào ban nào, ngoài sự thực-hành những việc tỉ-mỉ hàng ngày của người vợ hay người mẹ, con gái Đức cũng còn tập quên sự nhàn-rỗi riêng thân mình mà rèn lấy đức tận tâm với đoàn-thể.

Theo quan-niệm quốc-xã thì thứ giáo-dục thiết-thực và cần-kê kia chưa đủ làm cho đàn bà Đức tròn nhiệm-vụ của mình; nên còn cần có những cơ-quan để giúp đỡ và chỉ bảo cho sau khi họ đã quá tuổi thanh-niên bước chân vào đời.

Giúp-đỡ và huấn-luyện đàn bà đã đứng tuổi

Trong xã-hội mới của Đức, việc đàn bà đi làm ở ngoài để kiếm tiền là việc không đáng khuyến-khích — chỉ trừ khi nào làm công việc canh-nông thì không kể. Đàn bà phải ở trong nhà. Nhưng ở trong nhà, họ cũng có chức-trách quan-trọng với xã-hội, nên toàn-thể xã-hội phải giúp cho họ làm chọn chức-trách ấy một cách dễ-dàng.

Từ giữa năm 1933, bao nhiêu nghiệp-đoàn phụ-nữ ở Đức đều bị giải tán hết. Pháp-luật chỉ còn thừa nhận có « Liên-đoàn phụ-nữ quốc-xã » mà thôi.

Liên-đoàn là cơ-quan riêng của đảng Quốc-xã, nhưng mục-dịch là họp nhất tất cả phụ-nữ Đức. Liên-đoàn chỉ ra nhiều ban, mỗi ban mở những lớp học tối, những cuộc hội-họp, những lớp giảng về mọi khoa, và dùng mọi cách tuyên-truyền — báo-chi, máy truyền thanh, diễn-thuyết, chớp bóng v. v. — để dẫn dụ cho phụ-nữ hiểu cần phải :

- 1-) Giáo-dục con trẻ,
- 2-) Giúp đỡ vào nền kinh-tế Đức,
- 3-) Khuếch-trương nông-nghiệp.

Về sự giáo-dục con trẻ, người mẹ có trách-nhiệm nặng-nề, — nhất là đối với con gái. Con trai từ sớm đã gia nhập vào các cơ-quan của đảng và hấp-thụ một nền giáo-dục công-cộng; còn con gái thì tuy có những cơ-quan chung, sự giáo-dục của họ vẫn còn ủy thác một phần lớn cho các bà mẹ. Mẹ phải săn-sóc cho con được mạnh-mẽ về hình-thể và tinh-thần, và nhất là giẫy cho con biết quý-trọng nòi giống mình, cho tới khi con gái đi lấy chồng thì nhiệm-vụ của bà mẹ mới hết.

Về phương-diện kinh-tế, Đức hết sức khuếch-trương sản-xuất và tránh hoang-phí để có thể tự sung không phải mua thêm ngoại hóa. Chính-sách kinh-tế ấy khó lòng thực hiện được, nếu không giáo-dục trước phụ-nữ

để họ giúp các nhà cầm quyền, vì các nhà chuyên-môn đã tính thấy rằng 80%. sự giao-dịch trong nước là do ở tay các bà nội-trợ. Vậy Chính-phủ và các cơ-quan phụ-nữ luôn luôn giảng cho đàn bà biết thay đổi sự nhu cần trong nhà để tùy mùa mà mua những hóa-phẩm sản-xuất trong nước. Ngoài ra, tiết-kiệm lại còn là đức-tính đầu tiên của đàn-bà Đức; họ biết trăm nghìn cách để lợi dụng những thứ thừa-thãi thường vãn vất bỏ đi; khẩu-hiệu của họ là « không bỏ phí một mầu bánh và không để mất một mầu vải nào ».

Trước cuộc chiến-tranh này, nước Đức đã chịu những tệ-hại của sự kỹ-nghệ hóa quả độ. Vì thế đảng quốc-xã hết sức cố-dộng cho dân quay về nông-nghiệp.

Theo quan-niệm của đảng thì dân quê là nguồn-sức sinh-lực của quốc-gia. Chỉ có ở nhà quê thì dân mới khỏe mạnh, mới yêu phần đất của mình, mới giữ cho nòi giống được dòng dục và trong sạch không pha lẫn với nòi giống khác. Vì thế « huyết mạch » và « diên địa » (Blud und Bod) là hai yếu-tố bao giờ cũng đi đối với nhau trong chính-sách xã-hội của Đức. Nếu trong tuổi thanh-niên, con gái Đức đã có nhiều dịp trực-tiếp với dân chúng, với đất nước mình, quá tuổi ấy, họ lại còn luôn luôn thấy xã-hội ca ngợi cái đời sống ở thôn-quê: nông dân Đức nhận thấy sự cao-quý của nghề mình và trong những ngày hội về mùa gặt, những cuộc trưng bày nông-sản..., luôn luôn họ thấy sự sán-sóc của quốc-gia.

Nói tóm lại, trong xã-hội Đức, những công-việc, những đức-tính vẫn bị coi thường,—việc sắp đặt trong nhà, chăm nom vườn ruộng, săn-sóc con cái, đức k-nhiêm, thí-sả, sự mạnh-mẽ về tinh-thần và thể-chất — đã được nâng lên một trình-độ vinh-dự tối cao. Ở nơi bếp nước, ở chốn thôn-quê heo lánh, ở đâu người đàn-bà Đức cũng có cảm-giác là đương cùng với người linh sòng pha trên trận-địa, với nhà chính khách nghiệm-nghị toan-tinh trong phòng giấy, gắng sức theo đuổi một công cuộc chung là làm cho nòi-giống họ ngày một thêm hùng-tráng.

TÂN-PHONG

...Thu - nhật tài-liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam...

MÂM SINH HOẠT

PHẠM người ta, từ xưa đến nay, ai cũng ưa sống mà sợ chết. Vì muốn sống nên người ta đã cố gắng làm cho cuộc đời dễ dàng hơn, ít tổn đến sức khỏe, khỏi hại đến sinh-lực. Cũng vì muốn sống mà ngày xưa đã biết bao người hao công tốn của để tìm kiếm môn thuốc trường-sinh. Từ Âu sang Á, từ Bắc chí Nam, không xứ nào, không dân-tộc nào là không còn lưu-truyền những câu chuyện huyền-bí về khoa đời già hóa trẻ.

Khoa-học ngày nay cũng không thoát khỏi những ao ước ấy, nhưng vì đã rõ các sự khó-khăn và tự biết tái-lực, nên nhân-nại hơn và khiêm-tốn hơn, không mơ-mộng cao-xa mà chỉ tìm kiếm những cái thực-tế gần ta. Khảo-cứu về một vấn-đề sinh-lý, khoa-học đã không quên công-phu và thời-giờ, thận trọng và chằm-chước từng bước một để cố đi đến đích tức là hiểu biết được mầu-nhiệm của sự sống, và cách kéo dài nó ra. Trong các vấn-đề thuộc về sinh-lý, có lẽ xuất hiện sinh-vật là được nhiều tài-liệu chắc chắn nhất.

I

Ai có học qua môn địa-học cũng biết rằng, theo thuyết của Laplace, thì quả đất ta lúc trước cùng mặt trời và cả nhật-hệ làm một nắm vô hình gồm bằng các chất nung chảy. Dần dần, nắm ấy vì xoay tròn, phân tách ra tám phần nhỏ, tức tám vị hành-tinh của nhật-hệ hiện nay, còn lại ở giữa tức là mặt trời. Mấy vị hành-tinh vì nhỏ hơn mặt trời nên nguội trước.

Quả đất ta cũng trong tám vị hành-tinh, nên nguội dần, các chất đóng lại thành một lớp cứng, chính là lớp đất hiện nay ta sống. Kể từ ngày quả đất nguội đến nay ước chừng được vài triệu năm. Từ đây đến nay biết bao biến đổi, mặt đất đang phẳng-lặng đồ sụp xuống, chỗ trời chỗ hừng sinh ra biển và núi. Chứng kiến những cuộc biến đổi ấy lúc trước chỉ có các vì sao, về sau có các sinh-vật cảm thú, sau rốt mới có người ta. Rồi từ ngày có người ta xuất hiện trên quả đất, mặt địa-cầu hình như cũng trở nên diêm-tĩnh hơn, mất một phần biến động huyền-náo của thời xưa. Vậy thì sinh-vật xuất hiện trên mặt quả đất này từ đời nào, và bằng cách gì, đó là câu hỏi mà hiện nay khoa-học chưa có thể trả lời được hoàn-toàn, nhưng cũng đã sưu-tầm được nhiều tài-liệu dẫn đến câu giải-quyết. Những tài-liệu ấy một phần của khoa cổ sinh-học, khảo cứu về tất cả các sinh-vật đã lần lượt sinh-sản ở trên mặt địa-cầu, một phần của khoa hóa-học chuyên về các sinh vật (chimie organique).

II

Khoa cổ-sinh-học, từ lúc ông Cuvier khởi xướng, đã lục tìm được gần hết di-tích của các sinh-vật đã

xuất hiện trên thế - giới từ đời nào ?

của NGUY-NHƯ-KONTUM

sống trên quả đất này. Hầu hết di-tích ấy toàn là xương cốt hoặc dấu vết của các sinh-vật. Nhờ cách đếm tuổi các thứ đất và đá những chỗ tìm được di-tích, người ta đã có thể biết được các vật ấy đã cùng sống một lượt, và vật nào đã sống trước, sống sau.

Vì vậy cho nên khoa-học hiện nay đã biết được rất chắc-chắn những thế-hệ sinh-vật nối tiếp nhau sinh-sản trên địa-cầu. Hầu hết các thế-hệ ấy đã tiêu-diệt từ lâu, và phần nhiều tiêu-diệt ngay từ lúc có thế-hệ khác nổi lên phần thịnh. Bắt đầu là các giống thảo mộc, trước hết là các giống sơ-khai, cơ-quan rất phức tạp và giản dị, mỗi phần-tử làm hết các phận-sự cần dùng cho sự sống: hấp thụ tiêu hóa và sinh-sản. Dần dần các phần tử phân biệt ra, hợp thành những cơ-quan chuyên riêng từng phận-sự, cho đến ngày nay các bộ phận trong cây: như rễ, lá, hoa, quả, mỗi bộ-phận có một phận sự riêng.

Thảo mộc gặp một thời-kỳ phần thịnh, cây cao bóng cả, có thứ to lớn một cách hiện nay ta không tưởng tượng được. Đồng thời ấy thì các giống động vật cũng bắt đầu xuất hiện, trước là hết các giống vi-trùng, cơ-thể rất sơ lược, rồi đến các giống trùng, cơ-thể đã bắt đầu phân-biệt từng bộ-phận, cho đến các giống cá, giống chim, giống cầm thú. Sau này đến giống người, từng bậc càng lần-bộ thêm về cách tổ-chức trong các cơ-quan, càng rõ rệt thêm trong phân-cách công việc, càng hoàn-hảo thêm trong cách phản ứng đối với thời tiết, đối với tất cả ngoại-biến.

Nói tóm lại, xem qua lịch-sử thế-giới, các sinh-vật lần lượt xuất-hiện, từ giống đơn-giản sơ-sài cho đến giống tổ-chức mỹ-miêu đủ về loài thảo-mộc hay về loài động-vật, cũng thấy đều như theo một chương-trình đã định trước, cứ dần dần tổ-chức rõ rệt thêm lên.

III

Hóa-học thì cho ta biết rằng đời bây giờ không có một sinh-vật gì không có cha mẹ sinh ra cả. Dù là giống vật đơn-sơ như rêu cỏ, như vi-trùng chẳng nữa, cũng phải có cây rêu, có vi-trùng khác sinh-sản ra, chứ không vì một bất-động-vật mà sinh ra được. Thuyết ấy là thuyết của Pasteur đã bênh-vực suốt đời và nay đã được toàn thể khảo giả công nhận.

Thuyết ấy mà dùng từ thuở khai thiên lập địa thì cổ nhiên không thể nào giảng được tại sao trên chốn hoang-vu là cõi đất ta ở bây giờ, trước kia vắng vẻ mà nay đầy nhúc nhúc những động-vật.

Có một thuyết của Jules-Guyou de Monlivault xướng lên năm 1821, thì nói rằng các động-vật đã hiện trên mặt đất là nhờ có mầm ở các vị hành-tinh đem tới nhờ những lúc « sao sa ». Nhưng có hai lý trái hẳn thuyết ấy, thành thử ta khó lòng mà

nhận theo luận của Jules Guyou de Monthivault được. Một là những « sao sa » ấy dù có mang theo mầm sinh-vật ở một thế-giới khác đến cho quả đất chàng nữa thì các mầm ấy cũng khó lòng mà chịu đựng nổi sức hại của những quang tuyến thường có trên không-trung, nhất là quang-tuyến ultra-violet. Và lại, nếu các vì sao-sa mà đem được mầm sinh-vật thì tất nhiên mỗi lần có sao-sa có mầm sinh-vật đến, gây nên một hay vài thế-hệ thế nào cũng mâu thuẫn nhau. Làm sao ta lại được trông thấy các thế-hệ sinh-vật nối tiếp nhau, nối liền như theo một chương-trình sắp sẵn ?

Vậy thì sinh-vật chỉ có thể sản-xuất ngay ở thế-giới ta và tiến-hành, cải-cách ngay ở thế-giới ta mà thôi. Cho nên, tuy hiện nay khoa-học chưa kiếm ra được chứng cứ chắc chắn rằng hóa-học dùng bất-động-vật mà tạo ra được giống sinh-vật, nhưng ta cũng phải tin rằng đầu tiên, lúc quả đất đã nguội, mưa nắng bắt đầu luân chuyển đều đều, thì có một thời-kỳ các giống sinh-vật sản-xuất, từ loại kim thổ mà sinh ra. Giống sinh-vật xuất-hiện đầu tiên có lẽ ra một thứ rêu. Từ giống ấy, dần dần tấn bộ sinh ra các giống thảo mộc ngày nay, mà cũng sinh ra cả các động-vật, cho chỉ đến người ta, cũng chỉ là một giống động-vật tiến-bộ hơn các giống khác mà thôi.

Thuyết ấy cũng hơi lạ và khó tin, nhưng nếu nghĩ kỹ thì cũng chẳng lạ và khó tin hơn là thuyết hoang-dường tin rằng có một Tạo-hóa gây dựng nên tất cả cơ-dồ. Mà đứng về phương-diện khoa-học thì thuyết tin-ngưỡng có một Tạo-hóa không bõ-ích vì sẽ giam khoa-học vào con đường tuyệt-vọng, không mong gì kiếm ra câu giải. Chứ thuyết trên thì để cho khoa-học hy-vọng tìm tòi, biết rằng khó nhưng không nản trí. Chỉ có cơ ấy cũng đáng cho ta nhận tạm lấy thuyết trên vậy.

Nguy-Như-KONTUM

Tài liệu trong bài này phần nhiều trích ở quyển Origine de la vie sur le Globe, của Jul'en Costantin (E. Flammarion ấn hành).

Giá mua báo dài hạn

	3 tháng	6 tháng	12 tháng
Phần A (0,20 một số)		1\$10	2\$10
Phần B (TRẺ EM)			
(0,12 một số)	1\$00	2\$00	3\$90
CẢ HAI PHẦN	1\$50	3\$00	5\$80

DI

của ĐÌNH GIA-TRINH

Hôm nay trước bàn đầy sách vở, trong yên lặng của một đêm Hà - nội, cảm thấy ngày đi sắp tới, lòng tôi hoang mang buồn. Đây một cuốn tiểu - thuyết, và trang sách đang ngổ tả những nغم đau đớn của nhà thi-sĩ Léopardi. Đây vài chiếc thơ của bạn hữu mang lại những xa vọng của thân yêu.

Đi ! Đã bao lần trong mộng tôi thấy tôi đi, qua biển cả, tới những miền gió mới mẻ làm tim tôi rung động theo một nhịp khác thường, tới những phương trời quen mơ ước của tri thức, tới những đô thành nghệ thuật ở xa xôi.

Ngày xưa (ngày gần mà cũng đã là xưa !), qua những chiều tự mình đề mình vào đơn lẻ, tôi đã sớm biết nàng Hélène của Hi - Lạp, những đợt sóng xanh của vịnh Naples, bờ sông Rhin hoặc bờ sông Danube trên đó Beethoven đi tìm lời âm huyền diệu, chàng René mang nặng mối sầu vô tận trên đất Bretagne lặng lẽ buồn. Ngược lên nữa trong thời gian, tôi thấy tôi, cậu bé vọt trang trong bể nước, tâm hồn đắm trong những mộng thần tiên, ước mong được như Lulu, Nguyễn, gặp con đường hoa mang tới Thiên-Thai, nơi mà nụ cười của giai nhân tươi tham mãi, mát đắm đuối của giai nhân trong sang mãi, và tiếng hát của giai nhân làm lòng ta rung động làm ly hoại.

Đi ! Lòng tôi đã bao lần ước mong đi. Từ một xóm nhỏ chốn thôn quê tôi đã đi ra thành thị. Rồi ở đó tâm hồn tôi luôn luôn xây những lâu đài mộng tưởng, và tiếng gọi của những phương trời xa hằng vang vọng như quyến rũ bên tai.

Nay đến lúc tôi phải đi, nhưng chẳng phải đi đến những nơi xưa nay tôi mơ ước ! Những niềm tương diễn rõ, nhưng đang yêu làm sao ! Đi khi xưa là làm cho đời thanh niên rộng lớn ra, đi khi xưa là yêu, là tha thiết. Đi ngày nay phải chăng lời đầu mỗi một một chuỗi ngày bằng phẳng ? Đi ngày nay phải chăng là con sông tôi đồng bằng, quên những thời diên đại trong núi rừng, « hiền-triết » mà chầy dưới một bầu trời yên lặng ?

Ồi, kẻ khác đi với bao nhiêu hoan hỉ và mãn nguyện, mà tôi đi sao như lòng con chưa toại. Bao nhiêu mộng còn vương vấn. « Đi là chết trong lòng một ít », lời ấy như viết riêng cho tôi vậy !

Sắp đi rồi ! Hôm nay về đường thành phố như kẻ gõ những dịp quyến luyến bước chân tôi, lá cây như xanh thêm, mùa thu sắp tàn sao mà đẹp quá. Sắp đi rồi !

Hơn hai năm nay, tôi đem tâm hồn gửi vào công việc giáo dục ở một học đường. Tôi đã tìm thấy ở trong quãng đời ngắn ngủi ấy nhiều vui mà cũng ít chút thất vọng. Vui với các bạn thân mến, cùng chỉ - hướng ; vui trong những giờ giảng dẫn hăng hái làm nhóm dậy ở những bạn nhỏ của tôi lòng yêu lý tưởng và học thuật ; vui với những giờ sống tự do như một học sinh trên đường phố của Hà-nội. Thất vọng vì những vết thương nhỏ đầu tiên chạm tới lòng tự ái, vì sự bắt đầu đụng chạm với những thực sự nôm na và độc ác của đời. Đây một vài sự vô ơn tráo, những tâm thường, những dốt nát của một số trẻ nhỏ ; này ở đám người tôi đụng chạm những trái tim già cỗi nghi kỵ cả lý tưởng, tóm tắt cuộc đời trong mấy chữ « ăn, mặc, sinh, đẻ », những tâm hồn không nhân từ, châm biếm, riếu cợt, những lòng độc ác và ti tiện chỉ biết có tiền và đề tiền lên trên cả yêu đương và các giá trị tinh thần.

Tuy vậy bước chân đi, chút thương tiếc cũng còn vương lại ở lòng.

Tiếc một số các trò ngoan ngoãn mà tôi yêu như những em nhỏ, tiếc những buổi sáng cần cù với sách vở, những buổi chiều âm nhạc, những ngày thu đem một tâm hồn du đãng đi tìm ý thơ.

Đi ! Lòng kiêu của tôi muốn rằng lúc ra đi có bao nhiêu lòng bạn cảm xúc, có những khoé mắt buồn nhìn theo. Ồi, đâu phải đi tới phương xa cát bụi, chỉ là đi tới một cuộc đời, như mọi cuộc đời. Nàng Odile kết bằng ánh trăng và khói biếc lùi xa mãi về nẻo chân mây, tôi nắm tay một người đàn bà có xương thịt, người đàn bà của thực sự, món quà chính thức của nhân gian. Nào phải đi đâu xa, vượt núi qua sông tới một tương lai oanh liệt mặt mù, mà muốn cho muôn trái tim thồn thừ trong lúc chia phối ! Lòng tôi vô lý quá. Đi đâu ? Chỉ là về những chốn quen thuộc của quê nhà, theo những con đường vạn đại đã giữ dấu của bao vết chân người !

Mà dù có đi xa xôi chẳng nữa cũng mong chỉ ở sự thân thiết của người ! Ồi, người ta sống có

đơn riêng biệt quá. Ngày mai, ngày kia, trong những trận cười ròn rã, các bạn anh sẽ quên anh, để sống cuộc đời của họ. Kiêu hãnh lãng mạn thay tưởng nui sống nức nở vì một nỗi buồn riêng tấy của một người! Núi sông vẫn yên lặng và những sóng của thời khác vẫn đều đều xóa nhòa các hình vẽ trên bãi cát buoi chiều.

Lòng tôi vô lý quá! Đi cứ việc lảng lạng ra đi, làm gì mà sôi nổi thế. Bao nhiêu người đi, phải đâu một người đi. Làm gì mà kiêu kỳ vậy?

Chiều nay một ánh trăng nhẹ nhòe qua cửa sổ của tôi. Trăng cuối mùa thu như đem lại mát lạnh của không gian. Tôi những loan nhác lại nhời say sưa của bác sĩ Faust: « Ôi vùng trăng đã bao lần soi sáng những đêm không ngủ của ta! Sao ta chẳng vượt được non cao tôi tắm mê say trong ánh êm đẹp của người. »

Như ở trong giấc mơ hiện ra, như bởi một làn khói huyền hoặc kết tạo nên nàng Nghệ Thuật chiều nay lặng thình tôi ngồi bên cạnh bàn làm việc của tôi. Trong đôi mắt huyền diệu của nàng tôi thấy bóng cả một thế giới ảo tưởng quyến rũ êm ái và mãnh liệt quá chừng. Nàng Nghệ Thuật chẳng nói gì cả. Nhưng ở khóe mắt, ở làn tóc, ở nụ cười ham nguyền trên môi, tôi thấy tất cả ý nghĩa của cuộc đời tôi hôm nay. « Danh vọng và tiền tài, — tôi tự nói với mình như thế, — làm gì những của phù du đó! Ta ở với nàng, tất cả ngày đêm, tất cả thời khắc của ta là thuộc quyền sở hữu của em, hỡi Nàng tiên yêu quý của tôi! » Nàng Nghệ Thuật vẫn lặng thình và

trên net mặt huyền bi lai thêm phủ một làn mây huyền bi nữa.

« Hãy tin ở ta, lời thề thề lòng. Ta sẽ trung thành với nàng mãi mãi. Gió thu có thể làm rơi lá vàng, chim xanh của thời khác có thể vơ hết yêu đương nhân thế, nhưng từ thuở thơ ấu tôi nay ta chưa hề gặp một giai nhân nào đẹp hơn nàng. Và lòng ta từ cảm thấy sẽ không bao giờ có thể thay đổi được nữa. »

Nàng Nghệ Thuật hôm nay tôi phong sạch của tôi, như người chỉ nhón tôi tham một đũa em vụng về. Nàng Nghệ Thuật vẫn trẻ như mùa xuân, vẫn tươi như đoá hồng buoi sớm hé miệng bên cửa sổ, tuy nàng đã bao nhiêu tuổi, mang trên vai kiêu diễm một chuỗi thê kỷ rồi!

Nàng Nghệ Thuật hôm nay mang lại buồng tôi hương thơm và hy vọng. Trong cặp mắt của nàng trong sáng như suối tiên, trong nụ cười kín đáo và quy phai (ôi, khác bao nhiêu những cười ròn rã và tam thường của một số đàn bà nhân thế!), tôi thấy như có một sức cảm hóa thần diệu khiến lòng tôi bỗng trở nên nồng nàn, say đắm, mà một chút lửa nóng cháy trong tim đã khiến tôi thấy bơ vơ buồn rầu trước những đồ hành lý xếp đặt ngồn ngộn xung quanh nhấc tôi ngày đi.

Gửi trong va li mấy bộ quần áo, một tập giấy trắng nhỏ, mấy quyển sách thân yêu, với đồ hành lý tạm thời đó tôi ra đi tới cuộc đời mới. Những tiếng chim riu rít trong vườn của Olive và tiếng coi tàu của thực sự bao hiệu khởi hành.

Janvier 1942.

ĐÌNH-GIA TRINH

NƠI TIN CẬY CỦA CÁC NGÀI

KHẢI-PHÁT-TU'ỜNG

28, Phúc-Kiến — Hanoi

Bán buôn bán lẻ thuốc Bắc, Nam sông và bào chế

THUỐC TỐT, GIÁ RẺ:

Các thứ thuốc Cao, Đan, Hoàn, Tán **Trường-sinh** rất kinh nghiệm, như là:

Thần giải cảm . . . 0\$40 và 0\$15

Thuốc tẩy 0\$10

Thượng lưu đại bổ 3\$00

Cam tích tán 0\$15

Bồ phôi và chữa ho. 1\$00 và 0\$50

Kẹo ngậm ho 0\$10

Bổ thận. 1\$50 và 0\$60

vân vân...

LU'ỢC KHẢO VỀ Tiểu - thuyết Tàu

Phụ thêm Tiểu-thuyết Việt-Nam xưa

1 — Mở đầu

của Thúc Ngạc TRẦN-VĂN-GIÁP

TIỂU-thuyết, cái danh-mục ấy, từ xưa tới nay, đã cảm-dễ biết bao nhiêu độc-giả trong các xã-hội. Tiểu-thuyết khiến cho người đời phần khởi làm việc hay, việc nghĩa cũng có. Tiểu-thuyết khiến cho người ta đi sai đường, lạc lối cũng nhiều. Cái ảnh-hưởng tiểu-thuyết đối với người đời, thật là to tát, Ơn lao ; chẳng cần nói ai cũng hiểu. Nhất là Tiểu-thuyết Tàu ở xã-hội Việt-Nam ta thì cái ảnh-hưởng lại càng to lắm. Ta hãy xem suốt người mình, mấy người là không biết qua truyện Tam-Quốc, mấy người là không rõ truyện Tây-du. Người xem tiểu-thuyết Tàu thì thật nhiều mà người khảo sát về tiểu-thuyết Tàu thì có lẽ hiếm. Tại sao ? Vì người mình phần nhiều xem truyện dịch, nên chỉ cốt xem lấy truyện, còn đầu đuôi về quyền truyện có cần biết để làm gì ?

Nay chúng tôi không phải có ý giám nghiên cứu về tiểu-thuyết để giúp gì cho văn-học sử hay cổ-động cho tiểu-thuyết Tàu. Xin lược nhặt chút ít tài-liệu trong một vài quyển sách Tàu, sách Ta, sách Tây lược bàn về tiểu-thuyết Tàu, phụ thêm mấy câu về tiểu-thuyết Việt-Nam, để cống hiến các bạn, tưởng cũng không phải là vô ích.

2 — Nghĩa chữ tiểu-thuyết trong sách Tàu và nguyên-ủy tiểu-thuyết

Hai chữ tiểu-thuyết thấy trong sách Tàu cổ nhất là sách *Trang-tử*. Thiên *Ngoại-vật* (quyển 3, tờ 40-41) có nói : « *Sức tiểu-thuyết dĩ can huyền lệnh, kỳ ư đại đạt diệc viễn hĩ* » nghĩa là : đặt truyện nhỏ để cầu giải thưởng, thì về đại-dạt cũng xa lắm. Chữ tiểu-thuyết này tức như trong sách *Tuán-tử* (thiên *Chính-danh*) có nói : « *Tiểu-gia trá-t-thuyết* » nghĩa là : các nhời nói hay của các phái học nhỏ, thì chữ tiểu-thuyết gốc để chỉ các thuyết của chư-tử bách-gia. Sách *Hán-thư* (Nghệ-văn chí) nói về tiểu-thuyết có bảo : « *Tiểu-thuyết là gốc ở những câu truyện vụn-vật ở các phố-phường, nơi thôn-dã mà các quan chuyên xét về việc ấy lược-nhặt lại, chỗ này một ít, nơi kia một đoạn, gộp lại mà thành ra.* »

Về thời thái-cổ, người ta còn ăn lông ở lỗ, bất cứ dân-tộc nào, phần nhiều thích nghe những truyện thần-thoại. Nhưng trong các sách Tàu mà chúng ta biết, thì dân Tàu về thời ấy lại khác hẳn : họ ít có những truyện huyền-bí, u-huyền. Vì có nhiều lẽ : Một là dân Tàu sớm biết nghề nông, chăm chút việc làm, ít khi ngồi rỗi, nghĩ truyện viễn-vông, thế cho nên ít có các tiểu-thuyết huyền-bí truyền lại như ta vừa nói. Một là các môn-đồ phái nho không thích các truyện thần-bí. Thí-dụ ngay như đức Khổng-tử, bình-sinh không nói đến các việc quái (kỳ-quái), lực (võ-lực), loạn (đánh nhau), thần (thần-bí). Chỉ có phái *Đạo-gia*, *Tạp-gia* là còn giữ lại được ít truyện lưu-truyền ở dân-gian. Kể đến đời Hán, tôn-sùng thuyết nho, khiến cho tư-tưởng dân Tàu bị giàng-buộc trong phạm-vi thực-tế. Không những thế mà lại còn làm cho những truyền-thuyết từ xưa ngày một tiêu-diệt đi. Thành ra tiểu-thuyết Tàu về đời thương-cổ, không thấy phát-xiển bành-chướng. Chỉ thấy có những truyện thần-bí vụn-vật từng đoạn, từng mẩu, tản-mát ở trong các sách *Trang-tử*, *Liệt-tử*, *Tả-thị* cùng *Hàn-phi-tử*. Xem thế đủ biết những tiểu-thuyết thần-bí là do ở tình-tình của loài người mà sinh ra, nhất là về thời-dại phôi-thai. Và chung, những sách từ đời Tần còn lại, như thiên *Thiên-vấn* (hỏi trời) trong sách *Sổ-từ* và sách *Sơn-hải kinh* (sách nói truyện non, biển), ta còn thấy nhiều truyện thần-bí. Vậy ta có thể nói rằng những bộ tiểu-thuyết Tàu cổ nhất là : Thiên *Thiên-vấn* trong sách *Sổ-từ* và sách *Sơn-hải kinh*.

Nước Sở đời Xuân-thu Chiến-quốc phỏng ở vào địa hạt các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang bây giờ, không phải là nước Sở về thời Ngũ-dại, ở vào tỉnh Hồ-nam và phía đông tỉnh Quảng-tây, mà người Tàu thường dùng chữ Sở để thông xưng hai tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc. Tục nước Sở đời Xuân-thu tin chuộng quỷ-thần :

thường vẽ các loài linh-quái ở vách các đền từ đền thờ cúng. Thế cho nên Vương-Dật làm bài tự thiên *Thiên-vấn* có nói : « Ông Khuất-Nguyên thấy ở trên các bức vách trong các Tiên-vương miếu cùng đền thờ các công, khanh nước Sở có vẽ hình trời đất, núi sông, thần-linh, kỳ-quái cùng cồ thánh-hiền và các sự-tích quái vật, nên đề bài Thiên - vấn lên vách, hỏi truyện ông trời đề tiết bớt lòng phần uất riêng. Trong bức tranh vẽ trên vách ấy có những gì ? Ta có thể tưởng tượng được mỗi cái tranh có bao nhiêu truyện thần-bí bao hàm ở trong.

Về bộ *Sơn-hải kinh*, trong sách *Hán-thư* (Nghệ-văn chí) xếp vào loại *hình-pháp gia* ; từ sách *Tùy-thư* trở về, sau liệt vào đầu mục *Địa-lý*. (Địa-lý đây tức loại địa-dư ta thường gọi, không phải là địa-lý thuộc về học phong-thủy mà ta dùng về việc xem đất cát, nhận gò này làm con kim, bờ kia là con mộc, cánh ruộng này là tay long, thối bãi kia là tay hổ. Mãi đến đời nhà Thanh, trong bộ *Từ khố toàn thư* đề yếu mới xếp sách *Sơn-hải kinh* vào mục tiểu-thuyết. Xét ra sách này là phụ-lục cho một tranh vẽ ; thế cho nên ông Đào Uyên-Minh đời Tấn khi đọc *Sơn-hải kinh* có làm 13 bài thơ ngũ-ngôn tràng-thiên, nay trích mấy câu sau này :

« *Phiếm lãm Chu-vương truyện,
Lưu quan sơn hải đồ ;
Phủ ngưỡng chung vũ trụ,
Bất lạc phục như hà !* »

Rộng coi xưa truyện Chu-vương,
Khắp xem Sơn-hải đồ chương một lần ;
Ngắm trông vũ-trụ xa gần,
Mà không vui thú còn ngần nào vui !

Về truyện thần-bí có tiếng nhất trong *Sơn-hải kinh* là truyện *Côn-luân-sơn* và *Tây-vương-mẫu*. Hậu thế cho *Côn-luân-sơn* là nơi thiên-quốc mà *Tây-vương-mẫu* là vị thần tiên. Kỳ thực ra, xưa kia có cất nghĩa như thế đấy. Theo các sách địa-dư cổ như sách *Võ-công*, sách *Nhĩ-nhĩ* thì côn-lôn ở phía tây thượng lưu sông Hoàng-hà mà Tây-vương-mẫu là tên nước Tây-nhung. Nhưng trong sách *Sơn-hải kinh* cũng như các sách *Trang-tử*, *Liệt-tử*, *Sở từ*, *Trúc thư kỉ niên* thì cứ theo những truyện đời thái-cổ truyền lại mà chép, nên các truyện ấy biến làm tiểu-thuyết. Khởi nguyên tiểu-thuyết Tàu là từ đấy và tại các nhẽ ấy vậy.

3 — Lai lịch tiểu-thuyết

Như đã nói ở trên, hai chữ *tiểu-thuyết* thấy ở trong sách cổ nhất là sách *Trang-tử* mà tên

tiểu-thuyết thì thấy dùng trước nhất trong sách *Hán-thư* (Nghệ-văn chí) của Tư-mã-Thiên.

Nhà Hán khi thống nhất Trung-quốc, bài xích thế chế nhà Tần, theo gương đời Chu gọi là vương-đạo. Nhà Chu đặt ra các quan chuyên lượm nhặt các thi ca chốn dân-gian. Các quan ấy đi khắp các nơi, lượm nhặt hết các câu phương ngôn, ngôn-ngữ cùng ca từ đề xem xét dân-phong. Đó là gốc tích kinh thi trong ngũ kinh mà các cụ ta thường học thuộc lòng đề lấy điển cổ làm văn. Nhà Hán cũng bắt chước lối ấy, đặt ra chức *Ti-quan*, đi về khắp các vùng lượm nhặt các truyện vụn-vật chốn thôn quê, đem về tâu vua đề khảo-sát xem cách cai-trị được hay hỏng thế nào.

Ti-quan nghĩa là gì ? Chữ *ti* nghĩa là cái tấm hạt gạo, ý nói nhỏ nhặt lắm. *Ti-quan* là một chức chuyên việc đi lượm các câu truyện ở dân-gian mang về dù nhỏ nhặt đến đâu cũng không bỏ sót. Những điều ấy mang về tập thành sách gọi là tiểu-thuyết. Loài tiểu-thuyết chép trong *Hán-thư* (Nghệ-văn chí) có tới 15 nhà gồm 1380 thiên, ấy là chưa kể trong các loại *Đạo gia*, *Tạp-gia*, *Y-gia*, *Vu-gia*, *Thần-tiên* v. v... còn có nhiều truyện thuộc về tiểu-thuyết. Trong 15 nhà chuyên về tiểu-thuyết thì *Ngu-Sở* là tổ các nhà tiểu-thuyết sau này. Theo sách *Sử-ký*, *Ngu-Sở* người đất Lạc-dương, tức là người mà trong bài *Tây-kinh phú* của Trương Hành đã nói đến : « Trong 900 bộ tiểu-thuyết, gốc ở *Ngu-Sơ* » (*Tiểu thuyết cửu bách, bản tự Ngu-Sơ*). Tuy vậy, những tiểu-thuyết đời Hán bất quá là các câu truyện ngắn thu thập ở các nơi thôn-dã ; chưa hẳn là những quyển tiểu-thuyết phô bày thói đời, giải tỏ tư-tưởng. Những tiểu-thuyết có tiếng đời Hán, đại khái như những bộ sau này : *Thần dị ký* 1 quyển ; *Hải nội thập châu ký*, 1 quyển ; *Hán Võ cổ sự*, 1 q. ; *Hồ Võ Hung-nô nội truyện*, 1 q. ; *Liệt-quốc động minh ký*, 1 q. ; *Phi yến ngoại truyện*, 1 q. ; *Tạp sự bí tần*, 1 q. ; *Ngó Việt xuân thu*, 6 q. ; *Việt tuyệt thư*, 15 q. v. v....

Tóm lại, tiểu-thuyết đời Hán, vào thời Vũ-đế là rất thịnh. Vì rằng : vua Vũ-đế đã hiếu sắc mà lại tin thuyết thần-tiên ; cho nên các nhà tiểu-thuyết theo trào-lưu ấy, thiên về truyện thần-tiên cùng truyện tình nời cung cấm nhà vua. Các thi-ca đời Đường chịu ảnh-hưởng các truyện thần-tiên này nhiều lắm. Còn đến sách *Việt tuyệt thư* thật là tổ các sách diễn nghĩa về chiến-tranh đời sau. Các từ-

khúc đời Nguyên có dẫn dụng các tích này nhiều.

Thời Lục-triều, các tiểu-thuyết cũng chỉ quanh quẩn về mặt phép thuật thần-tiên. Có một điều ta nên chú ý nhất là bắt đầu từ Lục-triều ta đã thấy ảnh-hưởng đạo Phật biểu hiện ở trong các tiểu-thuyết. Điều đó cũng không lấy gì làm lạ. Vì từ đời Ngụy, đời Tấn trở về sau, nước Tàu đã có nhiều danh-tăng. Đến Lục-triều có vua Lương Vũ-đế qui y tam bảo. Về phía Bắc thì có Ngụy Hồ thái-hậu giốc tin đạo Thích-ca. Tại thế cho nên Phật-giáo có thể lan rộng mà các truyện về Phật-giáo dần-dần lẫn trong các tiểu thuyết. Không những các tiểu-thuyết, đến các văn-chương trước tác gì về hồi ấy cũng đều thấy có ảnh-hưởng Phật giáo cả. Những tiểu-thuyết đời Lục-triều có nhiều bộ có tiếng, đại khái như các bộ : *Thập di ký*, 10 q. ; *Sưu thần ký*, 8 q. ; *Sưu thần hậu ký*, 2 q. ; *Dị-nguyên*, 10 q. ; *Tục tề hải ký*, 1 q. ; *Thuật dị ký*, 2 q. ; *Hoàn-oan chí*, 1 q. Những sách ấy lập thuyết bất ngoại những việc thần-quái hoang-dân và thêm những thuyết luân-hồi, nhân-quả mà chưa thấy trong các tiểu-thuyết đời Hán, khiến cho người xem lại có một cái thú vị, cùng cảm tưởng khác hẳn.

Đời Đường là một đời toàn thịnh : văn-hóa cùng thế-lực nước Tàu lan rộng gấp mấy nước Tàu trước thế-kỷ thứ VI : gồm có cả lưu vực hai sông Tráng-giang và Hoàng-hà, cả hai tỉnh Quảng cùng Phúc-kiến ; tây bộ hai tỉnh Liêu-linh, Cát-lâm ; về phía bắc sông Hắc-long, các tỉnh Nhiệt, Sát, Tuy, và phía nam Tân-cương, Thiên-sơn cả đến Việt-nam ta đặt làm An-nam đô-hộ phủ, ngoài ra còn các nước phiên thuộc triều cống. Trong thì mở mang văn-trị, ngoài thì thâu nhập các văn-hóa khác các nước lân cận, như Ấn-độ, Nguyệt-chi, v. v... Tại thế mà tiểu thuyết đời Đường cũng theo thời mà phát đạt nở nang. Những tiểu-thuyết đời Hán, Ngụy bất quá chỉ là những di-văn, đặt-sử ngắn ngắn mà thôi. Đến như tiểu-thuyết đời Đường, cũng như thi, văn, dù một bài đoản-thiên cũng có thể gọi là hay : tình tứ thú vị, kết cấu đầy đủ. Tại sao có những đặc-diểm ấy ? Tại sao mà tiểu-thuyết Tàu từ chỗ rời rạc buồn tẻ tiến được một bước dài như vậy ? Điều đó không lấy gì làm lạ. Khi một văn-hóa đã mở rộng lại thâu-thập được nhiều ảnh-hưởng các văn-hóa khác như đời Đường, thế tất nhiên là sinh nhiều nhân tài. Khi nhân tài đã nhiều, tất nhiên người gặp khúc gian-chuân. Thế cho nên những sách cùng truyện

đủ làm chơi đùa cũng có vẻ khả quan. Nếu ta xét kỹ các tiểu-thuyết đời Đường, có thể chia ra làm 4 loại : 1. *Biệt truyện* ; 2. *Kiểm hiệp* ; 3. *Diễm tình* ; 4. *Thần-quái*.

1.) Biệt truyện là những sách thâu thái các truyện mà chính-sử bỏ sót, tức ta gọi là *Dã-sử*. Thuộc loại ấy đại khái có : *Hải sơn ký* ; *Khai-hà ký* ; *Mê-lầu ký* ; *Lý-lâm phủ ngoại truyện* ; *Lý Ban-công biệt truyện* ; *Đông-thành lão phụ truyện* ; *Cao lực sĩ truyện* ; *Mai phi truyện* ; *Tràng hạn ca truyện* ; *Thái-chân ngoại truyện* v. v...

2.) Kiểm-hiệp là các truyện nói riêng về các hiệp khách nam nữ gặp gỡ ; đại khái như những sách : *Cầu nhiêm khách truyện* ; *Hồng tuyền truyện* ; *Lưu vô-song truyện* ; *Kiểm-hiệp truyện*, v. v...

3.) Diễm-tình chuyên hẳn về các truyện diễm-lệ của giai-nhân, tài-tử ; đại khái như sách : *Hoắc tiểu-vương truyện* ; *Lý-Khuê truyện* ; *Chương đài liễu truyện* ; *Hội chân ký* ; *Du tiên quật*.

4.) Các truyện thần quái, như *Liễu-Nghị truyện*, *Đỗ tử xuân truyện*, *Nam-kha ký*, *Châm trung ký*, *Phi yến truyện*, *Ly hồn truyện*, v. v... Các truyện ấy đều là các tích thần-tiên, thích đạo cùng yêu quái.

Bởi thế các tiểu-thuyết đời Đường gieo được cái ảnh-hưởng to cho các đời sau, nhất là đời Nguyên và đời Minh ; không những cho các tiểu-thuyết mà nhất là cho các kịch hát. Sách *Hồn phất ký* của Trương Thái-Hòa đời Minh là do ở truyện *Cầu nhiêm khách truyện* mà ra. Một quyển *Tràng hạn ca truyện* làm sản xuất ra nhiều truyện khác các đời sau : *Ngô-đồng vũ* của Bạch-nhân-phủ đời Nguyên, *Thái hào ký* của Đồ-trang-Khanh, *Kinh-hồng ký* của Ngô-thế-Mỹ đời Minh, và *Tràng-sinh diệu* của Hồng-phương-Tư đời Thanh v. v... đều do đấy mà ra. Nhân tiện nói đến ba chữ *Tràng hạn ca*, chúng ta nên phân biệt *Tràng hạn ca* với *Tràng hạn ca truyện* khác nhau thế nào. *Tràng hạn ca truyện* là một quyển tiểu-thuyết của Trần Hồng kể truyện Quý-Phi dắc sủng đến nổi An-lộc-Son nổi quân làm loạn, Quốc-trung cùng Quý-Phi trước sau đều chết, thế mà vua Huyền-tôn vẫn không tỉnh ngộ, còn có việc sai Lục-sĩ đi cầu tiên. Đại ý truyện này, thấy việc thế có cảm mà làm ra truyện để trừng giới người đời. Còn *Tràng hạn ca* là một bài ca vịnh việc Quý-Phi của một nhà đại thi-hào đời Đường là Bạch-cư-Dị. Vì bài ca này có tiếng nên các cụ ta cũng có nhiều cụ dịch ra

tiếng Nam. Bấy giờ đem chép cả các bản thì nhiều quá. Xin trích riêng bản dịch của Vũ-văn-Khoa người làng Đỗ-xá, trích lục sau bài nói về tiểu-thuyết này để các bạn cùng coi. Bản này có dịch ra một thể thơ và một thể song-thất lục-bát ; văn tuy chưa là toàn bích nhưng cũng chẳng chuốt nhẹ nhàng.

Quyển *Hội-chân ký* có lẽ quan-hệ hơn cả. Một quyển ấy sản-xuất ra biết bao ca-khúc, hí-kịch các đời Tống, Kim, Nguyên, Minh. Này như : *Thương diệu cô tử tử* của Triệu-dức-Lân đời Tống ; *Tây-xương sô đàn tử* của Đồng-giải-nguyên nhà Kim ; *Tây-xương tạp kịch* của Vương-quan-chí nhà Nguyên cùng *Tây-xương truyện ký* làm vào đời Minh đều do *Hội-chân ký* mà ra. Thế cho nên, nếu ta đã biết được các sách do truyện *Hội-chân ký* mà ra thì ta có thể biết rõ được lai lịch sự phát đạt của ca-từ, hí-kịch về đời Tống, Kim, Nguyên, Minh vậy. Lại đến như các truyện *Nam-kha ký*, *Châm trung ký* cùng *Ly hồn ký* cũng đã sản-xuất biết bao nhiêu tiểu thuyết cùng hí-kịch, ca-từ đời Nguyên, đại lược như các sách *Nam kha ký*, *Hàm-dan ký* của Thang Lâm-xuyên cùng quyển *Thiếu nữ ly hồn* của Trịnh-dức-Huy. Xem thế đủ rõ ảnh-hưởng tiểu-thuyết nhà Đường đối với các ca-từ hí-kịch nhà Nguyên nhà Minh quan-hệ là thế nào. Tới khi có các loại tiểu-thuyết vui của đời Tống xuất hiện thì các lối tiểu thuyết cũ Hán, Đường dần dần kém đi. Trái lại, lại có các văn gia đời Minh, Thanh xuất hiện, đem những dật-sự của các mỹ-nhân, anh-hùng ra, dùng lời văn óng-ả, chải-chuốt mà phô diễn làm thành nhiều các truyện ly-ký.

Tóm lại, các tiểu thuyết từ đời Hán đến đời Đường, bất quá là do các văn-nhân lúc nhàn rỗi làm ra. Các tiểu thuyết ấy đều thuộc về loại văn có gọt dũa thêu dệt. Mãi đến đời Tống mới xuất hiện loại văn-học bình dân : miêu-tả được xã-hội đời bấy giờ, thật là đáng chú-ý, vừa hay vừa có ích. Lối này chữ Tàu gọi là *Hồn tử tiểu thuyết* nghĩa là tiểu-thuyết nhờ văn dễ dàng vui vẻ, tức là loại tiểu thuyết viết bằng bạch thoại là tiếng nói thường. Gần đây gọi lối ấy là lối *đào chán*. Lối này xuất hiện từ đời Tống Nhân-tôn. Trong sách *Nghiêu-sơn-dương ngoại ký* có nói : « Những người sầm con gái ở Hàng-châu, ngâm hát những cổ kim tiểu-thuyết gọi là *đào chán* ». Chính ngay trong sách *Đồng kinh mộng họa lục* của Mạnh Nguyên-Lão đời Nam Tống có nói : « Thời vua Huy-tôn (nhà Tống) những con hát ở kinh-sư

có đem diễn các lối giảng-sử, tiểu-thuyết, thuyết binh hoai, thuyết tam-phân, Ngũ đại sử. Thuyết tam phân tức là *Tam-Quốc diễn nghĩa*. » Xem thế đủ biết đời Tống sau khi dời sang phương nam thời tạp kịch cùng tiểu-thuyết lại càng thịnh lắm. Thế cho nên về tiểu-thuyết đời Tống, trong sách *Cổ hàng mộng du lục* của Nại-đắc-ông có chép rõ : « Về loài thuyết hoai có 4 nhà, một là tiểu-thuyết. Tiểu-thuyết lại chia ra nhiều : *Ngân tư nhi* là các truyện kỳ-quái về loài chi - phần cùng linh quái ; *Thuyết công-án* là những truyện có những việc dấm-dá, dặt-giao, vác gậy, hung-hăng, gây-ghêch. *Thuyết thiết kỳ nhi* là những truyện có quân-linh, ngựa-ngheo cùng trống-phách âm-ỹ ; *Kinh thuyết* là các truyện trong có giảng diễn kinh Phật. Còn *Thuyết tham* và *Thuyết sử* đều là những truyện trong có nói đến việc đi tu học đạo Thuyết cùng những việc chiến-tranh hưng phế các đời trước ». Còn các vai con hát về đời Nam Tống, vai diễn - sử có khi đến 23 người ; thuyết kinh 17 người ; tiểu-thuyết 52 ng. và *Hồn hoai* chỉ một hai người. Tạp-kịch và tiểu-thuyết đời Nam Tống thịnh-đạt quá đến nỗi thời-nhân lập ra từng hội riêng : Về loài tạp-kịch thì có hội tên là *Bài lục xã* ; về tiểu-thuyết thì có hội tên là *Hùng-biện xã*. Những loại sách ấy ở đời Tống tuy rất nhiều nhưng còn lại tới nay chỉ thấy có một quyển *Tuyên-hòa di sự*, trong chép truyện Tống-giang cùng đồ-dạng 36 người. Truyện *Thủy-hử* gốc lấy ở truyện này ; tác-giả thêu-dệt tài-tình mà đặt ra truyện khác. Ngoài ra còn vài bộ khác như bộ *Ngũ-dại binh hoai* và *Thống tiểu-thuyết* đều thuộc về loài giảng-sử chép những việc chiến-tranh từ đời Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu cho đến Ngũ-dại. Loài tiểu-thuyết diễn nghĩa sau này là gốc ở đó.

Đến đời Nguyên, ta lại thấy lối tiểu-thuyết *Hồn tử* lại bộ hưng. Vì rằng, sau khi Mông-cổ vào làm vua nước Tàu, đối với phương-diện thú vui thì rất hoan-nghehnh các tạp kịch và tiểu-thuyết. Những tiểu-thuyết có tiếng đời Nguyên là truyện *Thủy-hử* cùng *Tam-quốc chi diễn nghĩa*. Nhiều người đem hai truyện ấy hợp với các truyện *Tây-du ký*, *Kim binh mai* làm vào đời Minh gọi là *tứ đại kỳ thư* « bốn bộ sách lạ ».

Truyện *Thủy-hử* là một truyện rất có giá-trị chắc chúng ta ai cũng biết tiếng. Xét rõ truyện *Thủy-hử* của ai làm ? Việc ấy thật rất khó mà cũng không thể nào nhất định được. Từ xưa

tới nay, mỗi người nói một thuyết. Trong sách *Trang nhạc ủy đàm* của Hồ Ứng-Lân thì bảo của Thi Nại-Am làm; sách *Thất tu loại cáo* của Lang-Anh thì bảo của La Quán-Trung. Thế mà bản truyện Thủy-hử của Lý Trác-Ngô thì biên: Thi Nại-Am tập soạn, La Quán-Trung toàn tu. Nhưng thôi, dù của ai làm mặc lòng, cái giá-trị truyện Thủy-hử đối với người làm cũng không có ảnh-hưởng gì to-tát.

Truyện Thủy-hử có bản có 120 hồi; có bản 70 hồi, chỉ hai bản ấy là lưu-hành nhất ở đời. Bản trước là bản của Lý Trác-Ngô ấn hành đề tên là *Trung nghĩa thủy-hử truyện*; bản dưới đề tên là *Đệ ngũ tài-tử thư* có Thánh-thán phê bình. Trong truyện *Thủy-hử*, tác-giả chú-trọng về hai điều: *Tri và Dũng*; Mượn truyện tâm thường mà tả rõ nghĩa *Tri*, *Dũng*, khiến người đọc truyện thấy cực rộng rãi lắm li. Truyện Thủy-hử có một đoạn quan-hệ nhất đối với tiểu-thuyết đời Tống, là truyện Ngô Dụng-Trí với Sinh Thìn-Cương lấy ở sách *Tuyên-hòa di sự*. Nhân nói đến *Đệ ngũ tài tử thư* mà không biết qua Thánh-thán thì cũng thiếu.

Thánh-thán là ai? là một nhân-vật thế nào ở Tàu? Thánh-thán là tên tự một vị danh-sĩ cuối đời Minh. Người ở Trảng-châu, vốn họ là Trương, tên là Thái, sau đổi họ là họ Kim, tên là Vị, lại tên là Nhân-thụy, còn Thánh-thán là tên tự. Có đồ Chư-sinh. Khi nhà Minh mất, nhất định không ra làm quan. Tính người cuồng ngạo, có nhiều kỳ khí. Học rộng tài cao, làm văn rất bá-lan óng chuốt, dung hòa được nhã, tục. Thường bảo: « Thiên hạ có 6 tài-tử thư: một là Trang-tử, 2. Ly-tao, 3. Mã-sử, 4. Đỗ-luật, 5. Thủy-hử. 6. Táy-xương ký. Có phê bình các truyện *Thủy-hử*, *Tam-quốc chí diễn nghĩa*, *Táy-xương ký*. Nhời bình các sách này rất là tân-kỳ không ai nghĩ tới, đời rất truyền tụng. Về hồi cuối đời Thuận-trị nhà Thanh vì việc cùng với các chư-sinh cùng gào khóc trước Văn miếu bị sử trăm và tịch thu nhà cửa. Khi làm hình Thánh-thán có thơ giải mà nói: « Chặt đứt đầu là việc rất oan; tịch thu nhà cửa là việc rất thảm. Thế mà không ngờ Thánh-thán mắc phải. Thật là đại kỳ! Nói xong cười khanh-khách mà ra tự hình.

Đến như truyện *Tam-quốc chí diễn nghĩa* ta đã có nhiều bản dịch ra quốc-âm. Thông thường ta thường gọi tên là *Truyện Tam-quốc* hay *Tam-quốc chí*. Vậy ta cần phải bày tỏ cái tên ấy cho minh-bạch. Về *Tam-quốc*, sách Tàu có 2 bộ khác nhau hẳn. Một bộ là sách sử, tên

là *Tam-quốc chí*, có 65 quyển: 30 quyển nói về Ngụy; Thục, 15 q. và Ngô 20 q., của Trần-Thọ đời Tấn soạn. Trần-Thọ cho Ngụy là chính thống cho nên hậu-nho chê-bai nhiều. Vua Văn-đế nhà Tống sai Bùi Tùng-Chi chú thích bộ *Tam-quốc chí* của Trần-Thọ, dẫn cứ rộng rãi, so với sách cũ có phần rõ-ràng hơn nhiều.

Còn một bộ nữa, tức là bộ tiểu-thuyết mà ta nói đến trong bài này. Bộ này chính tên là *Tam-quốc chí thông tục diễn nghĩa*, có 120 hồi, mỗi hồi chia làm 2, cộng 240 quyển. Sách này là La Quán-Trung soạn vào hồi cuối đời Nguyên đầu đời Minh; chép các việc bắt đầu từ năm Trưng-bình thứ nhất đời vua Linh-đế nhà Hán đến năm Thái-khang thứ nhất đời vua Tấn Võ-đế. Trước sau gồm cả công việc 97 năm, đều theo các công việc trong sách *Tam-quốc chí* của Trần-Thọ và Bùi Tùng-Chi có thêm lẫn các truyện thu-thập ở các ti-sử và có các truyện bịa đặt ra lấy lông các bản kịch. Thuyết tam phân đời Tống. Về lối tả tình vũ-dũng các anh-hùng thời Tam-quốc thật rất kỳ-khôi, khiến người xem ai cũng sùng-sốt. Chỉ phải một điều là nhiều chỗ nói quá làm mất cả vẻ thực. Như những đoạn nói về Lưu-Bị, thực ra muốn làm rõ-rệt đại đức của Lưu nhưng nói quá thành ra giả dối. Nói về trí-lược Khổng-minh thì thành gần ra truyện yêu-quái. Tả đức thần vũ của đức Quan-công, cũng nói quá sự thực, làm cho ngài thành ra một hạng võ-phu, kiêu-ngạo vô mưu. Sách in trước tiên vào đời Hoằng-trị nhà Minh. Đến cuối đời Minh lại có một bản phê-bình của Trung-bá-Kinh và Lý-trác-Ngô. Những bản ấy hiện còn ít lắm. Bản *Tam-quốc* mà ta mua được ở các hàng sách bây giờ cũng là bản cổ mà Mao-tôn-Cương đời Thanh đem tái bản nhưng có thêm bớt. Bản này có in một bài tựa đề là của Kim có lẽ không đúng thực mà chính là của Mao-tôn-Cương. Trong tựa này có nói Kim Thánh-thán cho truyện *Tam-quốc diễn-ngĩa* là đệ nhất tài-tử, thế cho nên cũng có người gọi truyện ấy là *Thánh-thán ngoại thư*.

Nay xét lại cho kỹ, sách *Tam-quốc chí diễn nghĩa* ấy, có phải là sáng-kiến của La Quán-Trung đời Nguyên không?

Muốn trả lời cho đích-sắc về câu hỏi này, ta phải xem lại cả các ca-từ hí-kịch các đời trước. Ta thấy về đời Đường, Tống đã lưu-hành nhiều kịch hát các tích về đời Tam-quốc trong mục-lục các khúc hát về đời Kim, Nguyên cũng đã thấy có các tích về Tam-quốc

nư *Sích bích ao bình ; Gia - cát Lượng thu phong ngũ trượng nguyên ; Cách giang đầu tri ; Liên hoàn kế*. Vậy ta có thể đoán định là truyện *Tam-quốc chí diễn nghĩa* là gốc ở ảnh-hưởng các ca - kịch đời Đường, Tống, Kim, Minh như ta vừa thấy trên đây.

Đến đời Minh, nhân phong - trào bông - bốt về tiểu-thuyết ở đời Nguyên sản xuất rất nhiều sách hay sách lạ. Tựu trung có bộ *Tây-du-ký* là có tiếng nhất. Sự-tích tên sách và sách *Tây-du-ký* có lẽ lại phức-tạp hơn *Tam - quốc chí* như chúng ta vừa khảo-sát qua-loa. *Tam-quốc chí* chỉ có hai bộ mà sự phức-tạp là tại ta không chịu phân-biệt cái tên khác của bộ sách ; đến như *Tây - du - ký* lại có ba bộ sách thuộc ba loài má cũng cùng một tên như hết. Một bộ hai quyền ngoài tên *Tây-du ký* lại còn gọi là *Tráng-xuân chân nhân du ký*, của Lý trí-Thường đời Nguyên soạn. Sách này chép sự-tích tôn-sư Lý trí-Thường là Khâu-sử Cơ đi sang Tây - vực. Trong sách này chép đủ sơn-xuyên, đạo-lý, các nơi hiểm-nghèo, thủy-thò phong-tục, khí-hậu các đất đi qua, khác nhau thế nào, cùng là y - phục, ẩm-thực, cỏ cây, hoa-quả, cầm-trùng, điều-thú, không một thứ gì, mắt thấy tai nghe là không chép. Sách này thật có giá-trị về môn địa-dư. Cuối sách lại có phụ chép cả những chiếu-sắc mà vua Tàu sai Khâu-sử-Cơ đi. Khâu-sử-Cơ là một vị đạo-sĩ ở Đãng-châu thuộc tỉnh Sơn-dông đời Nguyên Thái-tổ có vờ ra, giao cho đi sang Tây-trúc tức Ấn-độ ; đường đi muôn dặm, không những trèo đèo lội suối lại còn qua mấy xa-mạc mới đến Tuyết-sơn.

Một quyền là một vở kịch có tiếng đời Nguyên. Vở kịch này do Ngô-Xương-Linh đời Nguyên soạn, đem việc Đường Huyền-Trang sang thỉnh kinh bên Tây-thiên ra phô diễn.

Chỉ thổ chep là có một quyền gọi tên là *Đường Tam-tang tây-thiên thủ kinh*, chỗ thi biên là 4 quyền, có chỗ biên là sáu quyền hoặc liệt vào mục *Truyen ký* hoặc liệt vào *Tạp kịch*.

Một quyền thu ba, tức là *Tây-du ký* là tiểu-thuyết mà chúng ta cùng khảo-cư. Sách này của Ngô Thừa - Ân đời Minh soạn, đem việc Đường Huyền-Trang sang Tây vực thỉnh kinh mà mở ta phô-diễn. Đại ý sách này có ngụ nhiều phương thuật đề trừ phiền-não cầu giải thoát. Nhưng các hiềm - tượng nói trong sách như việc gặp hồ - báo, ma - quỷ và các nỗi khó khăn là căn-cứ gốc ở sách *Hậu Hán thư Tây-vực truyện*; như những việc : « Vượt núi, nằm hang, leo thừng, lội cát cùng là những nỗi ốm đau, sốt nóng, nhức đầu, phong-tai quỷ-nạn » Thế rồi tác-giả nhân đấy mà bịa đặt thêm bốt, tung-hoành biến hóa, Trang 81 hồi mỗi hồi cấu tứ một khác, kỳ-kỳ quái quái, mà những cái kỳ-quái ấy làm người ta phải mê man khứng-khiếp.

Xem thế ta đủ biết bộ tiểu-thuyết *Tây-du ký* nguyên-ủy cũng như bộ *Tam-quốc diễn nghĩa*. Tác-giả dựa theo việc Huyền-Trang sang Tây-vực, lấy thêm tài-liệu ở các tiểu - thuyết đời Tống đời Nguyên và các đời trước, như *Thần dị kinh* và *Thập châu ký*, tưởng tượng mà đặt ra các truyện hoang-đường không đâu Tuy vậy, có một điều đáng chú-ý : khéo dùng tỉ-dụ để miêu-tả được tinh-tinh nhân-loại. Thế cho nên khiến cho người đời mê man ham mãi. Truyện *Tây-du ký* cũng như truyện *Tam quốc* đều mượn các truyện vui lạ kỳ-quái để cảm dỗ người ta : một truyện thì cốt truyện - bá ý nghĩa anh - hùng hào - kiệt, trung hiếu tiết nghĩa ; một truyện thì chủ ý tuyên-dương tôn-chỉ trừ phiền-não, cầu giải-thoát. Tóm lại cả hai truyện đều được người đời hoan-ngheh đến bây giờ.

(Còn nữa)

XUAN-LOC

Habiller vos enfants
chez Xuan Loc
c'est leur donner de la
joie

XUAN LOC
Vêtements pour Enfants

33 RUE NEYRET HANOI

VIỆC PHỤC - HƯNG.

TIÊU - CÔNG - NGHỆ Ở PHÁP

của VŨ ĐÌNH-HÒE

NỀN tiêu công-nghệ ở Pháp bắt đầu từ thế kỷ thứ 19 đã trải một cuộc khủng-hoảng lớn. Trước hồi Cách-mệnh 1789 các công-nghệ đều hợp thành những « phường » (corporations) theo một kỷ luật nghiêm khắc, mục-dịch là bảo vệ quyền-lợi của những thợ-chủ (maître-artisan) và bảo-vệ những tục lệ của mỗi nghề.

Muốn tới bậc thợ-chủ phải thực hiểu nghề một cách chu-đáo và có một lương-làm nhà nghề chắc chắn. Một người mới bắt đầu vào một nghề nào, phải tập việc lâu lắm mới lên chức thợ bệ (compagnon), rồi lại phải tập việc lâu lắm trong bậc ấy thì sau khi trình bày một tác phẩm được công nhận là tuyệt hảo mới được nhận vào bậc thợ chủ.

Những định-lệ và sự giám-sát chặt-chẽ bảo-đảm cho giá trị của những sản-phẩm và gìn giữ những phương-pháp của từng nghề.

Nhưng sự tổ-chức các phường phải mấy điều quá lạm càng ngày càng rối rệt nó làm giảm những điều lợi ở trên và gây một phong trào phản kháng trong hồi Cách-mệnh. Những luật lệ chặt chẽ về việc tạo tác có điều lợi là tránh sự man trá, nhưng lại làm ngăn cản sự tiến-bộ. Những thợ-chủ giữ độc quyền trong nghề, tìm cách tăng giá bán và hạ lương những thợ bạn. Sau hết, thợ-chủ có quyền xét và nhận thợ bạn vào hạng mình, như thế không thể tránh khỏi sự thiên vị và bất công, thành ra hạng thợ-chủ hợp thành một giai-cấp dành riêng cho những chủ và con cháu của họ.

Vì những điều quá lạm đó mà các phường công-nghệ bị giải tán năm 1791 do bạo luật Le Chapelier trong hồi Đại cách-mệnh Pháp.

ĐÁNG lẽ phải thay đổi những cơ quan đã thực-nghiệm trong bao nhiêu năm và đã thành những tìen chốt cần thiết cho sự liên-doi về nghề nghiệp, đáng lẽ phải sửa chữa những điều lầm lỗi của sự tổ-chức đó, đạo luật Le Chapelier đã giết chết một cách độc ác những phường công-nghệ mà không thay bằng một thứ gì, và đã làm lung lay cả nền tiêu công-nghệ.

Giá trị của những sản-phẩm bị sút hẳn đi vì thiếu sự giám sát và những định lệ về kỹ-thuật. Không có một điều kiện gì bắt buộc khi muốn làm chủ một xưởng công-nghệ, thành những kẻ không am hiểu một nghề nào cũng nghiệm nhiên là ông chủ miễn là có vốn để lập xưởng. Sự sút kém về giá trị chuyên-nghiệp của thợ-chủ có ảnh-hưởng không tốt đến sự huấn luyện những thợ tập nghề và gây sự suy vi cho lương tâm nhà nghề.

Không những các nghề bị dôi bại, mà cả giai-cấp công nghệ bị khủng hoảng vì chủ, thợ, thợ tập nghề không có liên lạc gì với nhau, mất hết tinh thần đoàn-kết và liên-doi trách nhiệm nó là những nguyên-tố rất cần để bảo vệ một giai-cấp.

Giai-cấp công-nghệ rời rạc, không có sức mạnh của đoàn thể, thành không thể đứng lại với sự toàn thắng của hơi nước và đại-kỹ-nghệ, những sự phát minh về máy móc đã chiếm, tất cả các ngành mà xưa kia dành cho các thợ thủ-công.

Đại kỹ-nghệ huy-dộng và tập trung những sức kinh tế đồ sộ, sản xuất nhanh và rẻ, không những đã làm tiêu diệt nhiều ngành tiêu công-nghệ, lại còn chiếm nhiều nhân công của các ngành công-nghệ còn lại: nhiều thợ công nghệ phần nhiều ở làng, bỏ nghề mình để vào làm trong các nhà máy, vì không phải tập việc lâu và kiếm được tiền ngay. Thiếu nguyên liệu, thiếu vốn, thiếu nhân công, thiếu dụng-cụ, thiếu luyện tập, nền tiêu công-nghệ trong thế kỷ thứ 19, ở vào một cảnh rất điêu tàn mà cả quốc-dân đến Chính-phủ đều không lưu ý tới.

TRƯỚC sự kết quả huy hoàng của máy móc, người ta đã lóa mắt mà yên chí rằng những nghề nhỏ phải tiêu diệt để nhường chỗ cho đại kỹ-nghệ là sự toàn thắng của khoa học trong trường kinh-tế. Song sau một thế kỷ mà

đại kỹ-nghệ đã bành trướng một cách mãnh liệt, người ta đã thấy những mầm họa lớn.

Những xưởng máy đã lôi cuốn một số dân càng ngày càng nhiều ở nhà quê ra tỉnh thành các làng thì bị bỏ vắng mà các đô thị thì ú lên vì nhiều người. Những nỗi khó khăn trong việc tìm nhà ở đã bó buộc dân thợ nhiều khi phải chui dúc trong một căn nhà hang chuột và gây cho họ sự cần phải đi tìm ở tửu quán những thú vui mà họ không được hưởng ở trong nhà. Người đàn bà làm việc luôn luôn ở ngoài, không thể trông nom được con cái, vì vậy muốn không có con.

Thợ ở trong nhà máy phần nhiều làm những công việc chỉ cần cử động như những bộ phận của một cái máy, vì thế dễ sinh ra sự chán nản nguy hiểm nhất là họ cũng có chút học và thường đọc báo chí.

Những nơi tụ hội đông đúc là những nơi quý địa cho việc tuyên truyền những ý tưởng bất hòa, thợ thuyền dễ sinh oán hờn số phận và ác cảm với chủ mà họ bắt chịu trách nhiệm về những sự gay go trong đời sống của họ.

Trước những mầm họa lớn mà đại kỹ-nghệ đã bắt đầu gây ra, người ta đã thấy việc phục hưng các tiêu công-nghệ là cần.

Không ai chối cãi sự quan trọng của đại kỹ-nghệ trong nền kinh-tế của nước. Song công-nghệ các làng cũng cần phải bảo vệ và mở mang để làm giảm những điều hại do những nhà máy lớn gây ra.

Các nghề thủ-công có những đảm bảo về phương diện luân-lý, xã-hội và quốc-gia. Người thợ công-nghệ rất quý nơi mình ở, thích sống đời trong gia-đình, thích có con và đông con. Họ làm việc trong nhà, cửa hàng và xưởng thợ ở ngay bên cạnh. Lấy vợ đối với họ là một việc có lợi, vì vợ và con sẽ là những người giúp việc chắc chắn trong nghề.

Họ còn quen luyện quê quán. Thợ nhà máy sống trong gia đình rất ít, nên có thể rời bỏ một nơi để tìm một chỗ lương cao trong tỉnh khác. Trái lại thợ công-nghệ thường muốn ở luôn một nơi mà họ có xưởng làm việc, có khách hàng có nghề chuyên môn.

Đời sống trong gia-đình, lòng yêu mến quê hương, không phải là nguồn khoái-lạc duy nhất của họ. Ngay trong công việc của họ, ngoài sự lợi, họ được hưởng cái vui thích quý giá của sự tổ-chức và điều khiển công việc, của sự tạo tác nguyên liệu thành những kết quả tốt đẹp.

Sự hiểu biết về trách nhiệm của mình và lòng ham muốn được vừa lòng khách hàng gây sự cố gắng để sửa sang cách làm cho đồ hàng được tinh xảo thêm mãi. Sự giác ngộ về nhân-phẩm, về tinh thần độc lập gây cho họ óc muốn nâng cao đời sống và những đức tính tiết kiệm, cần cù, thứ tự và lo xa. Sau hết trong những xưởng công nghệ chủ với thợ đều làm việc, cùng chia sẻ sự nặng nhọc, người ta ít khi thấy sự chia rẽ giữa chủ và thợ, mà trái lại chỉ thường thấy sự vui vẻ thân mật.

Vì những đức tính trên đó mà giai cấp công nghệ cùng với giai cấp nông nghiệp là những nền tảng chắc chắn của xã-hội.

Đứng về phương diện kinh-tế, cho dầu đại kỹ-nghệ có tiến đến bậc nào đi nữa, người ta đã thấy rằng nền tiêu công-nghệ vẫn phải giữ một phần quan-trọng trong sự hoạt-dộng của nước.

Trước hết có những ngành công-nghệ mà đại kỹ-nghệ không thể chiếm được, ấy là các ngành mỹ-nghệ, những ngành cần đến óc sáng tạo và sự khéo léo đặc biệt của bàn tay người.

Ta phải nhận một việc này rất quan trọng, là đại kỹ-nghệ cũng cần đến những thợ đầy đủ nghĩa là những thợ công-nghệ. Có nhiều bộ phận tối cần trong những bộ máy tinh vi phải do những tay thợ khéo làm ra, thường thường có xưởng ở nhà. Và lại tất cả những

(Xem tiếp trang sau)

máy móc, sau một thời kỳ làm việc, đều phải sửa chữa lại cả, lúc đó phải cần đến những thợ chuyên môn. Vậy hệ kỹ-nghệ càng mở mang, số máy móc ném ra thị-trường càng nhiều thì lại càng cần đến thợ tạo tác và thợ sửa chữa. Thế mà kỹ nghệ càng mở mang lại càng lôi cuốn những thiếu niên vào các nhà máy thành hai hạng thợ ở trên ngày một hiếm; đó là một sự khó khăn cho đại kỹ-nghệ cần phải giải quyết với sự cộng tác của nền tiểu công-nghệ.

Sự liên-lạc của đại kỹ-nghệ với tiểu-công-nghệ còn có thể mật-thiết hơn. Trong nhiều ngành, đại-kỹ-nghệ và tiểu-công-nghệ, theo phương pháp hợp-lý-hóa sự sản xuất, không những không tương phản mà còn có thể hợp tác với nhau. Như trong kỹ-nghệ dệt, các nhà máy lớn có thể gia¹ sợi đã sửa soạn cho các thợ dệt làm việc ở nhà. Cách tổ chức đó đã thực-nghiệm trong các tỉnh Cambrai, Bohain, Lyon, St. Etienne ở Pháp và trong tỉnh Gand ở Bỉ. Máy dệt chạy bằng hơi nước đã làm các làng bị bỏ vắng. Ngày nay, hai việc phát minh làm sống lại các làng, vì gây lại nghề dệt ở nhà : sự vận tải bằng ô-tô và sự điện-khí-hóa các làng. Khi trong làng đã có điện dùng thì một khung cử máy có thể đặt ở trong nhà, và ô-tô sẽ đưa nguyên-liệu đến và mang đồ hàng ra. Vì cách tổ-chức này, tiền chi phí tất bị tăng lên vì sự vận-tải và việc kiểm sát công việc. Nhưng trái lại, sức sản xuất của thợ ở nhà tăng lên và bù cho những khoản tiêu thêm.

Sau hết tiểu-công-nghệ rất cần thiết cho nghề nông. Vì vậy việc lập lại công nghệ ở các làng là một việc tối quan trọng. Ở một nơi mà đã có những người làm nghề giồng giọt thì phải có những người ở xung quanh làm thợ rèn, thợ nề, thợ mộc, thợ máy, thợ giày v. v... Người ta phàn nàn thấy nhiều dân quê bỏ làng ra tỉnh làm ăn. Nhưng ta phải hiểu nỗi khó khăn của họ khi họ phải sống lẻ loi ở làng, thiếu hết những người giúp việc trong đời sống của họ. Khi phải chữa một cái máy, hay đóng một thứ đồ hay muốn hái dầu mà phải sang làng bên cạnh và đi từng mấy cây số thì người dân cây yêu quê hương đến đâu cũng thấy đời sống ở tỉnh là dễ chịu hơn.

Vì giá-trị của nền tiểu-công-nghệ về phương diện luân-lý, xã-hội, quốc-gia, trước những mầm tai họa của đại-kỹ-nghệ, vì chức-vụ của nó trong các ngành mỹ-nghệ vì sự giúp

ích của nó đối với đại-kỹ-nghệ trong, công việc rèn đúc những bộ phận của các bộ máy tinh vi và công việc sửa chữa các máy móc, vì sự hợp tác có lợi của nó với các nhà máy lớn, vì sự cần thiết của nó đối với nghề nông và đời sống các làng việc phục-hưng tiểu-công-nghệ đã làm quan tâm mọi người, ngay từ đầu thế-kỷ thứ 20.

Công cuộc đó đã thực hành được một phần do sáng kiến và lòng hăng hái của hai nhà công-nghệ Tailledet và Grandaham.

Thực ra việc phục hưng tiểu-công-nghệ là một việc to tát cần phải uhiều cố gắng và kiên tâm ; còn phải làm nhiều lắm, song hai nhà công-nghệ trên đã sây được những nền tảng vững vàng khi khởi sự lập tổng-liên-hiệp nghiệp-đoàn tiểu-công-nghệ.

Nay ta xét xem người ta đã làm được những gì cho thợ công-nghệ và giai-cấp công-nghệ về phương-diện :

Nghiệp - đoàn. — luật - pháp. — tài - chính. — thương-mại.

a) Về phương-diện nghiệp-đoàn

Năm 1920, hai ông Tailledet và Grandaham đã họp các thợ thành những nghiệp-đoàn trong từng vùng và từng nghề. Những nghiệp-đoàn họp thành những liên-đoàn và tất cả liên-đoàn họp thành « Tổng-liên-đoàn tiểu-công-nghệ Pháp » (Confédération générale de l'Artisanat français).

Tổng-liên-đoàn tiểu-công-nghệ, bằng những sự cố gắng liên-tiếp và sự giúp đỡ của nhiều nghị-viên tận tâm, đã đòi được nhiều đạo luật bênh vực thợ công-nghệ về luật-pháp thuế khóa, thương-mại và tài-chính.

Muốn bảo vệ tài năng của hội-viên về nghề nghiệp. T. L. D. T. C. N. đặt một thời kỳ tập việc cẩn thận bó buộc, vài năm làm thợ bạn dưới quyền kiểm-sát của nghiệp-đoàn và, nếu cần, một kỳ thi để chọn những thợ giỏi ; những thợ đó được hưởng nhiều quyền lợi đặc biệt trong nghiệp-đoàn. Lối kiểm sát này khác với lối kiểm sát thiên-vị của thợ chủ trong các « phường » ngày xưa.

Không có những điều lệ khắt khe trong công việc sản xuất nó ngăn cản sự tự do làm việc như ngày xưa ; nhưng bằng những dấu có chữ « Tiểu-công-nghệ Pháp » T. L. D. T. C. N. giới thiệu với công chúng những đồ hàng có đủ bảo đảm là hàng tốt và tinh xảo.

T. L. D. T. C. N. lại xin được chính-phủ lập ra Phòng công-nghệ (Chambre des métiers) đại khái như phòng thương-mại để bảo vệ

những quyền lợi về nghề nghiệp và kinh tế của các nghề. Phòng công-nghệ giao thiệp thẳng với bộ Lao-dộng, bộ Học - chính và bộ Thương - mại, và chính - phủ phải hỏi ý - kiến phòng đó trong tất cả các vấn-đề có liên can đến tiểu-công-nghệ.

b) Về phương - diện luật - pháp

Thợ công-nghệ còn cần đến sự bênh vực của pháp-luật hơn những thợ thuyền khác.

Những quyền lợi của thợ công-nghệ có thể tóm vào hai khoản chính: thuế khóa và quyền sở hữu công-nghệ.

Dân công-nghệ là hạng dân nghèo. Không thể bắt họ chịu thuế như những nhà kỹ - nghệ và thương mại. Một đạo luật năm 1923 chia thợ công-nghệ làm hai hạng: hạng ít vốn thì chỉ phải chịu cách đóng thuế đánh vào số lương, còn hạng nhiều vốn mới phải đóng thuế theo thuế lợi tức kỹ-nghệ và thương-mại.

Về quyền sở hữu công-nghệ, những luật lệ mà các nhà buôn và các nhà phát minh được hưởng không đủ bênh vực những thợ công-nghệ. Một nhà buôn thuê cửa hàng có thể bị chủ nhà đuổi đi sau khi được báo-trước ba tháng và phải làm lại những chỗ sửa sang ở cửa hàng khi chủ nhà không muốn hưởng những sự sửa sang ấy. Nếu bắt những thợ công-nghệ cũng phải theo luật lệ đó thì là một sự thiệt cho họ vì thường họ phải chi phí nhiều về việc sửa sang chỗ thuê để lập xưởng làm.

Người nào đã được bằng cấp phát minh thì những điều phát minh thuộc quyền sở hữu của mình trong 15 năm; nhưng quyền đó sẽ bị mất nếu trong 2 năm mà người đó không lợi dụng những điều đã, tìm được. Những thời hạn đó ngắn quá đối với các thợ công-nghệ là những người thường ít khi có thể lợi dụng ngay được những điều phát minh. Người ta mong họ được hưởng đạo luật về quyền tác-giả những văn-phẩm (1).

c) Về phương - diện tài - chính

Những thợ công-nghệ cần đến sự giúp đỡ của chính-phủ về việc cấp vốn bằng cách cho vay nhẹ lãi và dài hạn. Vì sự hoạt-động của tiểu-công-nghệ mất nhiều thì giờ nên những lối vay tiền vẫn dùng trong thương-mại không tiện đối với hạng thợ đó. Vả lại

1) Tác-giả một văn-phẩm được hưởng quyền sở hữu văn - phẩm đó trong suốt đời và con cháu được hưởng trong 50 năm sau khi tác-giả chết.

những nhà Băng cũng ít sẵn sàng cho họ vay tiền vì lẽ họ còn nợ này thường không đủ đảm bảo về việc trả tiền.

Vì vậy T. L. H. T. C. N. đã hết sức hoạt-động để yêu cầu chính-phủ lập quỹ tiểu-công-nghệ.

Quỹ đó đã đặt do đạo-luật 27-12-1923. Những nhà Băng bình-dân (Banques populaires) sẽ xuất vốn cho vay hoặc cho những thợ-công-nghệ riêng từng người: nhiều nhất là 20.000 quan giả góp trong 5 năm, hoặc cho các hội công-nghệ hợp-tác-xã: một số tiền nhiều nhất gấp ba vốn hội và trong một thời hạn không quá 10 năm.

d) Về phương - diện thương - mại

Việc khuyến-trưng tiểu-công-nghệ chỉ có một phần kết quả nếu người ta chỉ nghĩ đến sự giúp đỡ về việc sản xuất và sự bênh vực quyền lợi của bọn dân đó. Sự tổ chức về thương - mại cũng là một phần quan-trọng để các đồ làm ra được có giá-trị, được tiêu thụ dễ dàng và gây những số lãi xứng đáng. Việc đồ những thợ công-nghệ thường không đủ sức làm riêng một mình. Nên T. L. D. T. C. N. cần phải đảm đang lấy với sự giúp đỡ của chính-phủ.

— Việc quảng-cáo

T. L. D. T. C. N. đã đặt ra hai dấu hiệu: (labels) « tiểu - công - nghệ pháp » (artisanat français) cho các đồ hàng công-nghệ thường và « thợ công-nghệ pháp » (artisan France) cho các đồ dùng mỹ-nghệ. Tất cả những thợ có chân trong T. L. D. đều được phép dán những dấu hiệu đó trên những đồ hàng của mình.

Công chúng khi mua một thứ hàng có dấu hiệu đó có thể chắc là được đồ tốt và sẽ biết là đồ do thợ trong nước làm ra.

Để giúp về việc quảng cáo, người ta đã tổ chức những cuộc trưng bày và những cuộc thi kén chọn những thợ giỏi.

— Việc lập những cửa hàng chung

Quảng cáo bao giờ cũng có hiệu quả, nhưng khách hàng thường tiện đâu mua đấy. Thế mà các cửa hàng công-nghệ thường ở những chỗ hẻo lánh; cho nên cần phải lập những cửa hàng to, đẹp, mới ở những địa điểm tốt và dùng những lối bán và đưa hàng tiện lợi cho người mua.

Những cửa hàng đó còn có lợi là tránh một hạng trung gian họ thường chiếm một số lãi không phải là nhỏ.

(Xem tiếp trang 31)

ĐỌC TẬP KỊCH « MƠ' HOA » CỦA ĐOÀN PHÚ-TÚ'

của DIỆU-ANH

« MƠ HOA » là nhan đề một tập kịch ngắn của ông Đoàn Phú-Tú, do nhà Đời Nay xuất bản. Sách tuy mới nhưng một số kịch đó đã được diễn trên sân khấu trước đây và tên nó đã khá quen với công chúng.

Những kịch ngắn của ông Đoàn Phú-Tú có cái đặc tính là có thể diễn trong một bài tri giản dị, vì cái ý vị của nó là ở trường hợp tình cảm, là ở tâm lý các nhân vật hơn là do những sự kiện của cảnh. Sáu kịch ngắn trong tập sách đều đề biểu lộ một tình-thần hài hước có duyên, nó khiến ta nghĩ tới những hài kịch đáng yêu của Marivaux và của Musset. Diễn những niềm nhỏ nhặt của tâm tư, những niềm tuy nhỏ nhặt nhưng đầy ý nghĩa triết lý, diễn những niềm ấy với một tinh thần hài hước có pha lẫn chút ý vị trào phúng khiến độc giả (hoặc khán giả) sau khi mỉm cười phải ngẫm nghĩ một chút, thấy ở sau cái « Scène » ngộ nghĩnh ấy có giấu một sự thực của nhân sinh không ngộ nghĩnh, có khi còn chua chát nữa, đó là nghệ thuật của tác giả tập kịch « Mơ Hoa ».

Trong 6 kịch ngắn trong tập ta thấy có những kịch chỉ có một giá trị ngộ nghĩnh mà thôi : « Táo quân » là một hài kịch nhỏ trong đó kẻ bị chế riếu là Táo quân, thói tục bị chế riếu là sự mê tín cùng lễ Táo quân vào ngày 23 tháng chạp. Tuyền và Giao hai chàng không theo lễ giáo cổ ruyền ngày 23 tháng chạp, chẳng mua mũ « ông công » và cũng chẳng lễ bái khấn khứa gì cả, cho nên ba vị Táo quân ở nhà ấy đi ra đều áo quần tiêu tụy và mặt buồn thiu vì chẳng mang được lễ vật gì về thiên đình. Nhưng may thay một người con gái, nàng Bạch Yến, cùng với tiếng cười trẻ trung tròn rã đã mang vào buồng của Giao, Tuyền, một cỗ mũ ông công, rồi bắt hai anh chàng ngộ nghĩnh ấy cúi vái. Kết quả : Táo quân sung sướng được có mũ áo, lễ vật, nhưng lại ngao ngán về nỗi lễ vật lạ lùng quá : không có xôi, không có gà, chỉ có vịt quay ; « mà cá gì lại giấu kỹ vào trong hộp thể này thì cưới làm sao được đề về châu giới ». Kịch nhỏ ấy là một thiên trào phúng đề riếu một thói tục mê tín gây thơ trở nên tức cười ở thời đại mới.

« Sau cuộc khiêu vũ » là truyện chàng Minh đêm khuya được bạn « ném » vào nhà riêng một vũ nữ, cừ năng-nặc đòi tự tử ở đó. Xuyến (tên vũ nữ), sau khi đuổi Minh ra vô hiệu, phải ngọt-ngào với anh chàng quái gở ấy, rồi từ những lời bông đùa tới giọng phong tình Minh và cô vũ nữ đó yêu nhau và cùng công nhận rằng đời đẹp và đáng

sống. Thật những tình duyên dễ dãi như ở trên màn ảnh, những chuyện vận tâm lý ngộ nghĩnh như ở trong Molière.

« Xuân Tươi » cũng có một ý vị ngộ nghĩnh khả ái : Hai chàng thanh niên đang mong đợi một sự gì « khác lạ » mang lại cho đời họ một chút ánh sáng và hương thơm, một « sự gì to tát sức đến làm cho những cánh hoa tàn của lòng sẽ trở lại thơm tươi như ngày xưa... », thì bỗng Yến, một thiếu nữ đẹp, gõ cửa bước vào. Hai chàng tưởng « xuân » của họ đã tới, nhưng té ra Yến chỉ là một cô đi bán vé cho một cuộc tổ chức hòa nhạc giúp một hội thiện, Yến chẳng hiểu những lời văn vẻ và sâu xa nghĩa lý của hai chàng chỉ cốt bán được 4 cái vé loge rồi vội vã đi thẳng. Thật rõ đại đột mất 20 đồng mua lấy một ảo tưởng tan vỡ trong chốc lát.

« Xuân Tươi », dưới những lời và hoạt động ngộ nghĩnh đã có giấu những quan sát hay hay về tâm lý. Kỳ và Liêu là những chàng thanh niên đã trải những yêu đương tạp uhap ở đời mà đã thấy vị chán chường ở dưới những lời âu yếm nhảm nhí của đàn bà. Nhưng họ vẫn hy vọng, họ vẫn tương tư hoài một người đẹp mang lại « một mối tình mới mẻ », những giờ tươi thắm trong mơ hồ, mang lại ánh sáng cho những ngày tàn ảm đạm. Trạng thái tâm lý đó ta nhận thấy là một trạng thái mà nhiều thanh niên đã sống, nhất là hạng thanh niên bị thất vọng với những xấu xa và vắn tin ở Đẹp và lý tưởng. « Thử nhớ lại xem, trong lúc tâm hồn chán nản nhất... có phải ta vẫn phảng phất hình như nhớ nhung một ngày đã qua nào, có phải tâm hồn của ta, những khi mệt mỏi nhất, cũng vẫn quặn quai muốn vượt khỏi phút đương qua.. », lời của Liêu khiến ta nghĩ tới một niềm tương tự diễn trong cuốn « Le reste est silence » của E. Jaloux : « Ta đợi hoài một ngày phong phú, đầy đủ, hoang đường, ngày mà ta sẽ được toại được lòng mong ước của ta ».

« Mơ hoa », « Cuối mùa », « Gái không chồng » là 3 kịch có những ý nghĩa triết lý đáng để ta chú ý. « Mơ hoa » ấy là cái mộng vĩnh viễn của tuổi trẻ lãng mạn, của các thi sĩ xuất đời chạy theo bóng một hình dáng lý tưởng, của các trái tim đặt nghĩa của sự sống vào một cái tình đẹp quá năng lực cung cấp của nhân gian. Dương nhất định không muốn lấy vợ. Anh muốn sống với một tình yêu phong phú và thi vị, một tình yêu là tình yêu chứ không phải cái thứ tình nôm na giữa bao

nhiều vợ chồng, cái thứ tình tạo nên bởi sêu tết, cưới xin, thứ tình « cơm ngày hai bữa, con ba năm đôi ». Ôi, Dương trào phúng chua chat quá : « Ái tình là gì ?... không phải là đôi bit lắt rách có ngón tay dẻo dăng mạng lại dưới đèn hoa kỳ đâu. Cũng không phải là niêu cá kho, thùng gạo lấm trử trong nhà bếp, hay nồi thịt bỏ hàm trên ngọn lửa lẩn tẩn. » Đối với Dương, ái-tình là « mở hoa tàn » đựng trong một cái hộp làm kỷ niệm, nghĩa là những bóng đẹp, những nhớ tiếc, sự nhớ nhưng man mác những kiểu diễm lý tưởng, một niềm yêu hư ảo ! Yêu ai, nàng Xuân Lan, nàng Thu Cúc bằng xương thịt ? Không. Yêu « một cái bóng mập mờ », kết tinh của sự toàn mỹ, « cái con người một ngày kia hiện lên như một nàng tiên tử trong tấm hôn châu, bây giờ chỉ có thể tìm thấy trong mấy lớp hoa kia, hay trong ánh hương của mấy cánh hoa khô này thôi ». Một trạng thái tâm lý kỳ quặc làm sao ! Ông chủ của Dương là xã hội, là đa số, là những người quen sống với thực sự nôm na ; Dương là nhóm linh hồn giàu tình cảm lãng mạn, không bao giờ thấy dục vọng được toại cả. Dương là thi sĩ. Cái « con người hiện lên như một nàng tiên tử trong tấm hôn » Dương ấy là nàng Hélène của trí tưởng tượng những chàng thanh niên hai mươi tuổi, nàng Odile kết bằng ánh trăng của Maurois, ấy cũng lại là Elvire của Lamartine kết tạo bởi những duyên, những nét, những giáng của một người đàn bà mộng tưởng.

« Cuối mùa » là sự nhận xét một sự thực chua chat về nhân sinh : tình yêu phai lạt, hay nói cho đúng, biến thành nôm na với thời gian. Khi yêu nhau lúc trẻ người ta ước mong ái tình đậm thắm mãi. Lan bảo Tuyết : « Anh cầu phật trời cho chúng ta yêu nhau mãi mãi, ...và ước gì cho đến năm sáu mươi tuổi chúng ta cũng vẫn còn yêu nhau nồng nàn như bây giờ », nhưng miệng người ta nói « vĩnh viễn » mà thời gian và luật biến đổi của tâm lý có cho tình tình nào vĩnh viễn đâu. Bà Thanh, mẹ cô Tuyết thuở 18 tuổi cũng được nghe ở miệng ông Thanh những lời mong hứa ấy, nhưng nay lúc bà 45 tuổi, khi bà hờn rỗi với chồng thì chồng bà lại bảo bà già rồi, xấu xí và đừng « lồi thối » cho tức cười (thuở người ta 18 tuổi và người ta đẹp thì hờn rỗi mới đáng yêu sao !). Khi bà hỏi ông để đâu cái ảnh của bà khi xưa tặng ông « để làm kỷ niệm suốt đời », thì ông thản nhiên giả nhời rằng ông đánh mất rồi và ông bảo bà đừng có lèo nhèo như trẻ con ! Mẫu kịch ấy diễn một thực sự chua chat của đời làm đau đớn lòng những người đa cảm : tuổi thi vị, tuổi đẹp của người ta ngắn ngủi. Trong thời trẻ khi yêu đương người ta xây bao lâu đài. Nhưng thời niên thiếu qua đi, mang theo với nó cả ý nghĩa của cuộc đời, cả dăm thắm, cả mê say, và để lại ở lòng người, trong một thân hình bị thời gian phá hoại, vị cay đắng của thất vọng, vị nhạt nhẽo của các hương sắc thuở xưa bao nồng nàn.

Cũng một nhận xét chán ngán ấy trong kịch « Gái không chồng ». Ba cô thiếu nữ chưa chồng đã ngoài ba mươi tuổi ở chung với nhau một nhà, mỗi cô làm một nghề. Các cô đang sống vui vẻ trong độc lập thì một buổi kia có một người bạn gái cũ tới thăm. Người bạn ấy thuở nhỏ sống thân mật với các cô nay đã ngót 40 tuổi, nghĩa là đã không còn là con trẻ nữa. Cả ba cô bỗng quyến luyến người đàn ông như đã hiện về « ở cả một quá khứ sâu thẳm », rồi cô nào cũng muốn săn sóc đến Đường (chàng tên là Đường), nên sinh ra ghen lẫn nhau. Bao nhiêu triết lý của các cô dùng khi xưa để tự an ủi mình (sống độc lập, sống để hi sinh cho một nghệ vụ), nay đều đổ cả để các cô cảm thấy một « nỗi cô đơn hiu quạnh » vô cùng. Nhưng thất vọng ! Cái ánh mặt trời chói lạt soi vào buồng các cô bỗng tắt. Đường chỉ kịp ăn bữa cơm chiều vội vàng rồi phải ra ga đi Hải-phòng. Chàng phải sống chừ, thì giờ đâu mà rồn cọt với những tình âu yếm và để làm thơ ! Tẻ ngắt và hiu quạnh lại rơi phủ tấm hôn ba cô thiếu nữ không chồng.

■

Cũng như qua Fortunio, Valentin, Fantasio, Lorenzaccio người ta thấy Musset, ông Đoàn-phù-Từ sống ở trong nhân vật của các vở kịch ông đã viết. Ông Đoàn-phù-Từ là thi sĩ, và ông mang tâm hồn thi sĩ để viết kịch. Có người bạn tôi biết rõ tâm lý của tác giả bảo tôi rằng : « Mơ Hoa là tất cả Đoàn-phù-Từ đấy ! ». Lời xét đoán ấy có lẽ xác thực. Nhưng ta hãy để đời tư tình cảm của tác giả ra bên, và, đứng ở một phương diện phê bình khách quan ta hãy thử hiểu tâm hồn tác giả qua những vở kịch trong tập « Mơ Hoa ».

Trong tập « Mơ Hoa » có vài kịch chỉ có một giá trị nghệ thuật : *Táo quân*, *Sau cuộc khiêu vũ*. Riều cợt Táo quân có lẽ là một đề đã nhàm, và cái tâm lý của Minh của Xuyên ? *sau cuộc khiêu vũ* có lẽ giản tiện quá và thiếu sâu sắc. Nhưng ở những kịch *Xuân tươi*, *Mơ Hoa*, *Gái không chồng*, *Cuối mùa*, ta thấy tiềm tàng, tuy không thổ lộ ra hết cả, nhưng rõ rệt, những triết lý nhỏ của tác giả về cuộc đời, hay nói cho đúng, những nhận xét làm căn bản cho những triết lý ấy.

Trước hết ta thấy trong cả 6 kịch nhỏ một địa vị đặc biệt của người đàn bà. Người đàn bà là chủ động trong các kịch của ông Đ. P. Từ, hay nói cho đúng họ là *nhân vật thì vị chính* (personnage portique principal), mà đàn ông là *nhân vật hoạt động của kịch* (personnage dramatique actif). Người đàn bà trong kịch của Đ. P. T. là sứ giả của vui vẻ, nô cười (Bách Yến trong *Táo quân*, Yến trong *Xuân tươi*), là kẻ mang lại cho ta mê say, nghe ta nói những lời âu yếm và thề nguyện, tặng ta những tấm ảnh sinh sinh để ta ướp giữ và nâng n u mãi mãi (người đàn bà 'mộng tưởng trong *Mơ Hoa* ; Tuyết trong *Cuối Mùa*) ; Trong kịch « *Gái không chồng* », người đàn bà lại là nhân vật

hoạt động chính của kịch. Ta có thể nói rằng ông Đoàn-phù-Tứ đã có một kinh nghiệm về người đàn bà không phải là không có chút giá trị. Nhưng kinh nghiệm ấy đã mang lại cho tác giả thất vọng và buồn. Chàng thanh niên tác giả tập kịch « Mơ Hoa » không còn giữ cái khờ dại của lòng tin tưởng ngây thơ nữa, cái tâm lý của kẻ tin ở hạnh phúc gây bởi yêu đương, của kẻ mới bước chân vào đời, lòng còn trào những hy-vọng, tri-thức còn chất phác tưởng có thể nắm được ánh sáng mùa xuân trên ngọn cỏ. Qua ly rượu trong và ngọt của ái-tình, chàng đã trông thấy lướt cận sát. Chàng hiểu rằng những nòng nân, những đắm thắm, những mê say trong phút hiện tại sẽ là nhạt nhẽo, là hững hờ ; những lời thề trăm năm sẽ là những câu vô nghĩa. (Cuối Mùa).

Đó một nhận xét chán chường về tâm lý, về nhân sinh : tuổi trẻ, tuổi yêu đương tha thiết que như giấc mộng. Một nhận xét thứ hai cũng chán ngán như thế : trong tuổi trẻ, tuổi yêu đương ấy, người đàn bà là vị thần của ta, người đàn bà mang lại cho đời ta thi vị. Nhưng người đàn bà ! Họ có phải giống như nàng tiên mà những nhu cầu của lòng ta tạo ra đâu ! Tất cả vấn đề cách biệt của thực-tế và mộng mị ! Người đàn bà của thực-tế ấy là Yến trong « Xuân tươi », cô thiếu nữ xinh bán vé dạ hội, mà Kỳ và Liêu cố tưởng tượng là Juliette của Shakespeare, là một nhạc sĩ có tài, nhưng thực ra chỉ muốn là một cô bán vé, không biết âm nhạc mà chỉ mong bán chóng xong những vé người ta đã giao cho cô ; ấy là cô Kim-Chi trong « Mơ Hoa », con gái nhà trường giả.... Người đàn bà của mộng chỉ là « một cái bóng mập mờ trong trí tưởng... có cặp môi say đắm của cô Mộng Hương, có đôi mắt xa xôi huyền ảo của cô Kiều Ngọc... ». Nghĩa là người đàn bà lý tưởng ấy bao giờ cũng chỉ ở trong lý tưởng mà thôi.

Những nhận xét ấy thực chẳng vui vẻ gì. Đọc xong tập « Mơ Hoa », người ta thấy một cảm giác chán ngán cho đời. Musset không đề rớt ở trí ta, ở lòng ta một cảm giác tượng tự như vậy. Musset mà ông Đ. P. Tứ yêu thích hơn hết cả các kịch sĩ khác, Musset có một tinh cách trẻ trung thi vị đặc biệt. Chàng Fantasio hay mơ vãn vợ và cử chỉ ngộ nghĩnh, ấy là Musset đó, nhưng Fantasio, tuy có nói nhiều câu triết lý chán chường, nhưng vẫn là một tâm hồn trẻ, và nhiều khi ta thấy cái ngây thơ của chàng trong những cử chỉ tựa như diễn đại. Qua các kịch của ông Đoàn-phù-Tứ ta thấy một triết lý tựa như thiếu trẻ trung. Các nhân vật của ông đã trông rõ quá vào những thực sự của đời. Vì vậy kịch của ông để lại cho độc giả và khán giả một chút cảm giác buồn. Vì vậy người ta dễ tưởng tượng tác giả ra một người đã chán ngán với mọi sự thực và đã đi tới một triết lý thất vọng (philosophie du désespoir) không phải là một triết lý của người trẻ. Dương (Mơ Hoa) có tôn thờ một « nàng tiên », một « giai nhân », nhưng nàng tiên ấy chỉ là một cái bóng, một

cái bóng của dĩ vãng mà có lẽ sẽ không tìm thấy ở tương lai ! Kỳ và Liêu (Xuân tươi) trong buồn chán vẫn mong đợi một cái gì mới lạ, một ngày xuân tươi, nhưng ngày xuân tươi (Yến) nào có phải thực là ngày xuân ! Lòng thanh niên khao khát một ái-tình đáng gọi là ái tình, nhưng đâu làm gì có thứ ái tình ấy ở đời và người đàn bà gây nên những say mê của ái tình ấy ?

Không tin ở sự thực của hạnh phúc, không tin ở đẹp ở trên đời, ông Đoàn-phù-Tứ còn không tin ở hạnh phúc gia đình nữa. Dương chế nhạo cái « Cười xin », cái thói lập gia đình thường tục (Mơ Hoa). Cái gia đình ông Thanh bà Thanh mới lục đục làm sao ! (Cuối mùa). Ba cô Dân, Tý, Mão sống chung với nhau, chẳng có gia đình gì cả, mà đến cả Đường cũng có dáng điệu của một phiêu lưu khách (Gái không chồng). Hai anh Giao và Tuyền nô rồn với lễ nghi, Liêu và Kỳ đợi một ngày xuân tươi sáng đều chẳng một ai có vợ con (Táo quân, Xuân tươi).

Xem như vậy, về ý nghĩa luân lý, kịch của ông Đoàn-phù-Tứ có thể reo rắc ít ý tưởng thất vọng hay quá khích. Thanh niên có lẽ không tìm được ở kịch của ông một lòng tin tưởng mạnh và một hi vọng vào cuộc đời. Chàng trai chưa vợ, đã đọc các triết gia và thi sĩ lãng mạn Tây phương, lại có chút mộng thi sĩ, lại trái biết đời đôi chút, có lẽ được hài lòng khi đọc Đoàn-phù-Tứ. Nhưng những tâm hồn trong đó hi vọng mới chớm nở, những tâm hồn muốn ngây thơ mãi mãi, muốn nhầm lẫn mãi mãi để sung sướng, có lẽ thấy ở kịch ông Đoàn-phù-Tứ một vị hơi cay đắng mà thành ra ngại ngùng trước cuộc đời.

Nhưng định giá trị một vở kịch mà chỉ dừng về phương diện triết lý, luân lý thì có lẽ là thất sách. Dừng về phương diện nghệ thuật mà xét thì kịch của ông Đoàn-phù-Tứ có một giá trị linh hoạt đáng khen. Trừ một vài nơi lời có chút tinh cách của kịch binh dân (Bạch Yến khẩn và Giao, Tuyền đùa nghịch trong láo quân) thì văn kịch thường trôi chảy và tự nhiên. Những trạng thái tâm lý mô tả rất đáng để ta chú ý, và là những trạng thái có thực ở bất cứ một tâm hồn thanh niên nào trong nỗi hoài bão và mơ mộng. Có những câu văn sinh gọn, diễn một niềm của tâm tư rất nên thơ khiến ta nghĩ tới những vơ vãn của Fantasio hoặc những đàm-thoại nhỏ của Hamlet (nếu Hamlet rợn rã hơn và tâm thường hơn một chút).

Kịch của ông Đ. P. Tứ trộn lẫn sự thực với mơ hồ. Nghệ thuật của ông không hẳn là tả chân mà cũng không hẳn là duy tâm.

Ông Tứ có tài tổ chức những « sen » nhỏ, vui, và có ý vị. Kịch của ông tức là tâm hồn ông biểu lộ ra trong nhiều yế, qua nhiều tâm hồn. Ông chưa đi tới những công trình sáng tác lớn lao, nhưng nghệ thuật của ông đã chứng tỏ nhiều hứa hẹn, và các tác phẩm của ông có một tinh cách đặc biệt : nó là tinh thần lãng mạn phát biểu trong kịch Việt-Nam.

DIỆU-ANH

ĐỌC QUYỀN « Tuổi Xanh »

CỦA BÁC - SỸ L. H. MỸ

của Vũ Văn-Cẩn

CŨNG như những quyền « Sản - dục Chi-nam » của bác-sĩ Nguyễn v. Luyện, quyền « Nói truyện nuôi con » của bác-sĩ Cao-x.-Cầm quyền « Tuổi xanh » của bác-sĩ Lê-hữu-Mỹ là một quyền sách phổ-thông, mục đích là để « truyền bá những phương pháp nuôi con thiết thực, dễ hiểu, dễ theo trong dân chúng » Trong lúc sách vở về vệ sinh còn thiếu thốn, dân chúng phần đông còn mơ hồ, không am hiểu những phương-pháp vệ-sinh quyền Tuổi-xanh ra đời rất hợp thời và rất quý. Quý không những vì hiếm, mà còn vì giá-trị của một cuốn sách kê cứu rất công phu, rất đầy đủ.

Sách khổ nhỏ (12×18) dày 200 trang, có 26 hình vẽ. Ngoài bìa trang sức, theo một lối đặc biệt, nhan đề bằng chữ quốc ngữ giả chữ Hán tên tác-giả như tên tây) khiến cho không ai ngờ rằng trong cái bìa « lằng lờ » ấy lại có những trang « đứng đắn, nghiêm khắc » của một quyền sách khoa học.

Sách chia ra làm ba phần :

Phần thứ nhất nói về cách nuôi dạy trẻ lúc còn bình thường, một trăm trang.

Phần thứ hai nói về một vài hàng trẻ con bất thường, 7 trang.

Phần thứ ba nói về khi trẻ ốm 70 trang.

Trong phần thứ nhất bác-sỹ Lê-hữu-Mỹ đã tỷ-mỷ chỉ dẫn cho các bà mẹ cách nuôi con từ lúc trẻ lọt lòng cho đến lúc trẻ biết lẫy, biết bò biết đi, rồi đến khi nuôi mười hai tuổi đã cấp được sách đi học. Trong một ngày, lúc trẻ ăn ngủ, chơi không thiếu một cử chỉ nào là bác-sỹ không đề ý, không cho là quan hệ. Bác-sỹ căn kễ giảng giải phân bày một cách sáng suốt những việc nên làm, những việc không nên làm, sao cho trẻ được khỏe mạnh luôn luôn, sao cho người mẹ được nhẹ nhàng không phải khó nhọc lắm. Xin lấy một thí dụ :

Tắm rửa cho trẻ là một việc rất tầm thường có khi các bà mẹ không nghĩ tới, hay giao cho vú bô làm thay mình. Song, nếu các bà đọc qua mục này trong quyền Tuổi-Xanh từ trang 2 đến trang 27, các bà sẽ thấy sự quan hệ là

nhường nào, và các bà sẽ thấy những khuyết điểm của các bà trong lúc nuôi con. Hãy nói đến các thùng tắm. Không những phải sạch sẽ, mà còn phải biết cách đặt nó thế nào.

Thường thường họ đặt nó xuống đất, rồi cứ việc ngồi mà tắm cho trẻ. Các bà, có biết đâu, nếu để nó lên cao một hút ngang ghế mình ngồi, tự nhiên, các bà sẽ đỡ mệt, đỡ nổi, nhất là các bà mới sinh nở xong. Như thế các bà sẽ tắm được cho con một cách chu đáo kỹ lưỡng hơn. Mùa nóng, chớ nên ham mát quá mà đặt thùng tắm giữa luồng gió, mùa rét chớ nên ham nóng mà đặt thùng tắm bên cạnh lò sưởi. Hai đằng cùng nguy hiểm cả. Luồng gió làm trẻ bị lạnh có khi sinh ra ho, sốt có thể nguy được. Lò sưởi đề gần, trẻ hút phải than khí rất độc cho những cơ thể còn non nớt. Đó mới chỉ là về cái thùng tắm. Nào còn nước tắm, cách tắm rửa, gội đầu trước khi tắm, sát sà phòng, cần nhất nạch và háng v. v... Mỗi cử chỉ đó đều có quan hệ đến sức khỏe, đến tương lai của trẻ. Làm không đúng phép, sai một ly, đi một dặm, cái nguy hiểm của sự cầu thả, bác-sỹ Lê hữu-Mỹ nhất nhất phân tách rõ ràng.

Phần thứ hai những trang nói về riêng một vài hạng trẻ, thiếu tháng, yếu ớt hay những trẻ to quá số bình thường.

Trong phần thứ ba bác-sỹ chỉ dẫn cách chăm nom trẻ con khi đau yếu. Phần này cũng như phần đầu, bác-sỹ kê cứu một cách rõ ràng và thứ tự.

Mục thứ nhất công việc trông nom khi trẻ ốm đau :

Mục thứ hai các bệnh của trẻ :

Một điều đáng chú ý là bác-sỹ rất kỵ cách kê đơn chỉ thuốc ngoài vài cách chữa, cấp cứu hay rất thông thường cần phải biết (chảy máu cam, rách ra, đứt mạch máu...) tác giả chỉ dẫn cho biết đại cương công việc phải làm, và nhất là phải biết những khi bệnh nguy hiểm để kịp tìm thầy chạy thuốc.

(Xem tiếp trang 28)

(Tiếp theo)

BÀ Mậu ngạc nhiên,
ngẩng nhìn Quì.
Nàng tiếp :

— Để cháu ngủ với em,
đêm hôm em trông nom
cho nó.

Bà Mậu bĩu môi :

— Trông với nom gì !
Cô làm khổ nó thế không
chán ư ?

Nỗi lo sợ về Tinh đã
bớt, Quì không sợ người
chị như khi nãy. Nàng bắt
đầu thấy tức, chau mày :

— Chị bảo thế nào là
àm khổ nó, làm khổ nó,
làm khổ cái gì ?

Bà Mậu ưỡn bụng đi nh :

— Có xem đấy. Cô lôi nó ra tắm, để thằng bé
phải cảm, thế không phải là làm khổ à ?

Quì vin lấy lời cụ lang khi nãy :

— Nó phải cảm thì nó phải cảm, đứa trẻ nào
chẳng có lúc ươn mình, cứ gì phải vì tắm cho nó.
Không tắm mà không phải cảm được à ?

Mậu, thấy sắp có chuyện, vội chen vào :

— Thôi, đằng nào việc cũng xảy ra rồi, nói đi
nói lại mãi vô ích. Từ đây nên cẩn thận một tí.

Quì như thấy chồng có ý bênh vợ cả, càng tức :

— Chị nói những câu đến hay. Chị làm như tôi
không biết trông nom con nhỏ là cái gì.

— Cô trông nom cho cô chả xong, còn nói
trông nom cho ai.

Mậu lại chen vào :

— Đã bảo thôi mà ! Lại sắp ằm nhà lên bây giờ.
Có đề yên cho nó ngủ không ?

Quì hạ thấp giọng, mát mẻ :

— Phải, tôi thì trông nom được cho ai ? nếu tôi
trông nom được cho ngay lấy tôi thì đã chẳng
đến nỗi.....

Câu nói gọi ra hết tình cảnh của mấy người,
những nỗi bất hòa từ xưa đã vỡ ra, hoặc vẫn
ngấm ngấm trong lòng họ. Không còn gì ngăn nổi
sự sô sát.

Mậu vẫn còn cố :

— Đã bảo thôi mà lại. Sao mà đến lằm nhời.
Thằng bé dậy bây giờ, thì.....

Lời dọa của Mậu không đủ dập tắt hai cái nui
lửa sắp phá ra, Người vú vội lên ra ngoài. Bà
Mậu, khôn ngoan, không đề cho Quì ra khỏi câu
chuyện trông nom thằng Tinh :

— Thì đấy, cô xem. Tự nhiên, cô lôi thằng bé
ra tắm nước cho nó sốt. Từ lúc sinh nó ra, cô đã
săn sóc cho nó được những gì ? Nó ăn cô không
biết, ngủ cô không hay. Việc gì cũng mặc con vú
già này. Như thế cô còn chưa vừa lòng hay sao,
mà còn muốn làm hại nó ? Để cho cô trông nom
thằng bé, thì nó xanh cổ đã lâu rồi.

Đ Ú ' A C O N

Tiểu - thuyết của

ĐỒ ĐỨC - THU

Hình ảnh, cái chết, đột
ngột ném vào giữa chỗ có
đứa trẻ đang ốm, làm cả
ba người lạnh gáy. Bà Mậu,
vốn tinh kỹ kiềng, phải
tức giận lắm mới nói câu
ấy. Con giận của Quì như
dẹp bớt, tuy chưa tan hẳn.
Nàng càng hối tiếc rằng
xưa nay không nhìn đến
con. Nàng nói nhỏ hơn :

— Tôi ốm thì trông coi
sao được nó.

— Phải, cô ốm. Ốm như
cô thì ai ốm cũng được.

Thì ra người chị không
cho là nàng ốm thực,

nhưng vẫn vờ tin, để được toàn quyền với đứa
con. Tinh tình người mẹ dậy trong lòng Quì :

— Tôi ốm hay không thì chị biết, không phải là
tôi vờ vẩn để lấy cớ mà nằm. Ai muốn ốm đau
làm gì ? nhưng bây giờ tôi đã đỡ, thì tôi trông
nom cho con tôi, không phải phiền đến chị, để
chị lại kể công phải săn sóc nó.

— Ai thêm kể ? Ai săn sóc nó thì đã dành ra
đấy.

— Không kể mà lại thế. Nhưng cũng xin cảm ơn
chị. Từ rày để tôi trông nom con tôi.

Câu nói mát mẻ ấy càng làm người chị tức giận.
Bà dẫu từng tiếng :

— Đấy, ai mà tranh mất. Để người ta hững hờ
cái tội làm vú già !

Quì cũng dần từng tiếng, như nói một mình :

— Tranh làm sao được. Có phúc mới được làm
vú già như thế !

Mặt người chị tái đi, hai mắt long lên. Con giận
đã lên đến cực độ. Bà bước lại gần Quì như
muốn tóm lấy nàng :

— Này, cô đừng có láo ! Cô bảo tôi vô phúc, hử ?
Tôi vô phúc thì tôi cũng còn làm chủ cái nhà này.
Tôi còn dám được đầu cô xuống. Cô không được
hỗn. Cô đừng cậy có được đứa con mà hỗn láo
với tôi. Tôi có quyền tống cô ra khỏi cái nhà này,
không cho cô nhìn đến thằng Tinh, cô hiểu chưa ?

Không còn thế gì giữ được ôn hòa. Quì không
còn nhịn nhục như xưa, nàng không chịu kém
cạnh nữa. Lúc này, đã đến cơ sự này, phải cho ra
lẽ. Nàng lại lơ mờ thấy rằng có Mậu ở đấy, dù
sao người chị cũng không sục phạm được đến
người nàng. Cuộc sô sát kịch liệt vì nhiều lẽ : vì
ghen tuông, vì đứa con, vì những điều phần uất
ngấm ngấm trong lòng mỗi người.

Quì rõ vào mặt chị :

— Không phải tự nhiên tôi về đây. Chẳng ai
đuổi được tôi ra khỏi nhà này cả. Con tôi, tôi có
quyền giữ nó, cấm không cho ai động đến !

— À, con này láo hử ?

Bà Mậu sấn lại, tay trái nắm áo Quì, tay phải dơ cao. Cánh tay chưa kịp hạ xuống, thì Mậu đã chen vào giữa, gỡ Quì ra :

— Khổ lắm ! khổ lắm ! Đã bảo thôi đi mà lại. Thế này thì còn ra thế thống gì !

Quì nấp đằng sau lưng chồng :

— Con này với con kia gì. Tiền mua gạo dôi, nói đã bớt mếp ra người ta mới về đây. Để thường mỗi chốc mà « tổng cổ » được đấy à ?

Người chị đằng co với Mậu, định xông vào Quì :

— Để tôi cho nó một trận, nó lại láo à, nó địa vị gì ở cái nhà này.

Mậu cổ ngắn vợ cả.

— Thôi, tôi xin, tôi xin cả hai. Đừng có ầm lên nữa. Rõ khổ !

Anh chồng chỉ biết kêu khổ. Người vợ cả vẫn không im :

— Tao lại không tổng cổ được mày à ? Tao tưởng mày tử tế, lấy mày về, ai ngờ... Hừ, thật là rước voi về dày mỗ ! Được đằng chân, lân đằng đầu, Năm thườn thượt ra cả ngày, cơm bưng tận miệng, nước rót tận mồm, mày còn chưa mãn nguyện : Mày tưởng để được đưa con đã là to lắm à ? Tao còn làm chủ cái nhà này. Mày đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con thì nó là của cái nhà này, mày không có quyền làm hại nó.

Dáng điệu Mậu rất luống cuống. Anh chàng không dám nói vợ lẽ, không dám nói vợ cả, chỉ loanh quanh che đậy. Họ vẫn không chịu im. Cho hả cơn tức, Mậu vợ một cái cốc, đập mạnh xuống nhà :

— Không còn ai nghe tôi, hử ? Thế này còn ra thế thống gì.

Cái cốc tan ra từng mảnh vụn, người vợ cả nói :

— Đập. Cứ đập nữa đi. Đập ra rồi lại sấm. Còn chán tiền.

Những người nhu nhược, mỗi lúc khùng lên, thì thường hay đập phá, mà đã bắt đầu đập một vật gì, thì không ngừng lại được. Mậu cho thêm cái tích nước xuống sàn :

— Đã thế thì cho tan tành hết ! Tan tành hết !

Tiếng tích vỡ to quá. Thằng Tính nằm trong nôi khóc thét lên. Quì giữ lấy tay Mậu. Ba người tự nhiên im lặng, nhìn về phía tiếng khóc. Con vú đã vội chạy lên bế Tính. Nhân lúc ấy, Mậu đẩy Quì vào buồng :

— Thôi, đừng nói gì nữa. Đi vào, em, đi vào.

Quì vào buồng :

— Nhịn cũng phải có chừng. Quá lắm, không ai chịu được.

— Thôi, tôi xin. Đừng nói gì nữa. Thì hãy nghe tôi một tí nào ?

XIV

THẾ là nàng đã biết rõ. « Máy đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con, thì nó là của cái nhà này, mày không

có quyền... » Người ta đã nói ra miệng. Thật là rành rọt, không còn úp mở gì. Tất cả cuộc số sạt vừa qua, Quì chỉ nhớ rõ mấy câu ấy, là câu nàng cần biết nhất. Nó định đoạt hẳn địa vị nàng, giải nghĩa các câu chuyện từ lúc nàng có chửa. Đứng lời nàng đoán : người chị muốn chiếm hẳn đứa con.

Người chị kể cũng có lý. Trong những gia đình theo chế độ cũ, người mẹ già bao giờ cũng có quyền đến các con vợ lẽ, có quyền hơn cả chính người mẹ đẻ. Trong nhiều nhà, con người vợ lẽ phải gọi vợ cả là mẹ, và gọi mẹ mình là « đẻ » hay « chị ». Để đây chỉ có nghĩa là đẻ ra.

Chế độ ấy không hợp với chủ nghĩa cá nhân, nhưng đã nhận chuyện cả lẽ, thì tất phải nhận lấy nó. Quì đã lấy lẽ Mậu, thì con nàng phải thuộc quyền người vợ cả. Đi đến đâu, người chị vẫn có lý. Quì thấy thêm một điều nữa tỏ địa vị hèn kém của nàng.

Quì thấy còn cào trong lòng. Tức, tủi thân, và đói. Bữa cơm chiều chưa kịp ăn uống gì thì đã sinh chuyện. Con ở chắc đã dọn mâm. Trong nhà yên. Bên cạnh Quì, Mậu nằm vắt tay lên trán, thỉnh thoảng lại thở dài.

Người chồng đang nghĩ cách hòa giải cái tình thế lộn xộn này. Không còn đâu cái sung sướng lấy vợ lẽ. Những phút êm ái với Quì đã mất hẳn theo thời gian, chuyện lời thôi thì vừa sảy tới. Cái kỷ niệm lơ mơ lẫn át sao nổi những cảm giác đang bùng bùng. Phương chi, đối với chàng đã lạnh lẽo, không còn đủ đèn bù cho chàng những lúc khó chịu này. Bây giờ chỉ là bức tức, chán nản. Mậu cũng không nghĩ gì đến đứa con. « Thở là mai lại phải mua chiếc bình tích khác. Cả cái cốc nữa. Biết thế thì đừng lấy vợ lẽ. Chẳng con thì đừng con. Thiên hạ thiếu gì người ăn cháo lá đa. Hương với khói. Tội chết chả biết đâu, hăng thấy ngay tội sống ! »

Anh chàng đâm hối. Nhưng cơ sự đã rồi, biết làm thế nào ? Cả hai người vợ cùng góm khiếp cả, không có chàng hôm nay thì có lẽ họ đánh xé nhau, Quì sức yếu, chịu sao nổi. Không ai coi chàng vào đâu, chàng chẳng bảo được ai. Rồi đây năm ngày, ba ngày lại sảy ra một trận như thế, thì cái nhà này đến thành địa ngục. Làm sao hòa giải được họ ? Mậu cảm thấy khó khăn vô cùng. Có họa mỗi người một nơi, khua mặt nhau. Mậu lại thở dài.

Bên ngoài có tiếng Tí h khóc, Quì nằm phía trong giường, leo qua người chồng, định ra ngoài.

Mậu nắm lấy tay nàng :

— Đi đâu ?

— Tôi ra xem thằng bé.

— Thôi, nằm đấy, ra rồi lại ầm ỹ lên bây giờ.

— Việc gì mà ầm. Thế không cho tôi ra xem nó làm sao à ?

— Đã có người ở ngoài ấy. Nghe tôi, nằm yên đây.

— Là thật. Con tôi mà không ai muốn cho tôi mò đến....

— Thì còn đấy, muốn trông nom thì rồi được trông nom, đã ai nuốt đi mất. Tôi chỉ bảo nghe tôi, mỗi người nhìn đi một tí, mà không xong.

Mậu chép miệng, chán nản. Quì nằm lại chỗ cũ :

— Tôi đã chịu nhìn nhiều lắm rồi. Việc gì cũng phải có chừng thôi. Quá lắm, không ai chịu được.

Mậu nói khẽ, sợ bên ngoài nghe tiếng :

— Em dở lắm, nhìn đi một tí thì đã sao. Một câu nhìn là chín câu lành. Chị em trong nhà, sao cho êm ấm là hơn. Người ngoài người ta biết, người ta cười cho.

— Cho người ta cười. Người ta cười chán ra rồi. Anh nhìn được chứ tôi không nhìn được...

Mậu ngắt lời :

— Nói khẽ chứ.

Quì hạ thấp giọng :

— Anh muốn lành, nhìn mãi nên chị ấy mới đề lần, mới không coi anh coi tôi vào đâu.

Quì được dịp nói đến tình nhu nhược của chồng, và có ý trách móc. Vì Mậu chỉ muốn được êm thắm, không dám nói gì vợ cả, nên nàng cũng bị lấn át lây. Mậu thấy Quì nói có lẽ. Có lẽ vì chàng đã quá nhu nhược, nhưng tình ấy đã ăn sâu lắm. Mậu nằm im. Quì tiếp :

— Việc gì con tôi để đứt ruột ra, mà không cho tôi mò đến nó ? Có rõ là ăn hiếp không ? Thế mà anh cũng bắt tôi phải nhìn à ? Tôi què, tôi hủi hay sao mà không bế được con tôi. Lại còn dọa tống cổ tôi ra khỏi nhà này. Nói mới để nghe chứ ! Chị ấy là liền chị, có quyền thật, nhưng cũng một vừa hai phải thôi. Quá lắm thì tôi phải cãi.

Những điều đáng lẽ nói với vợ cả mà không nói được, thì bây giờ Quì đem đổ lên đầu chồng. Mậu thành cái bia chịu đạn, chàng cố sức ôn tồn :

— Ừ thì chị dở thế, nên mới phải nhìn đi. Chị đã muốn săn sóc thằng Tinh, thì cứ đề mặc, mình càng được dành tay. Con mình bao giờ chẳng là con mình, như thế chẳng hơn à ?

Người chồng không nghĩ đến uân khúc trong lòng hai người đàn bà tranh nhau đứa bé. Chàng chỉ thiên cận nghĩ đến sự trông nom. Nếu chỉ có thế, thì việc hòa giải thật dễ dàng.

Nằm im một lát, Quì nói với chồng :

— Này anh, hay là tôi xuống với để ít lâu nhé ?

Đùng ý Mậu vừa nghĩ. Muốn cho êm thắm, có họa mỗi người một nơi, đừng thấy mặt nhau. Đó không phải là kế trường cửu. Không thể ở xa nhau mãi mãi, còn lúc gặp nhau, còn gặp nhau là còn có chuyện, nhưng anh chồng cũng không tìm được cách gì hơn.

Quì đã tiếp :

— Tôi về dưới ấy, tránh chị ấy đi một ít lâu, ở đây năm ba ngày lại xảy ra chuyện như thế, thì chịu sao được. Tôi còn yếu lắm, về uống thuốc nhàn thê.

— Ừ, em nghĩ cũng phải. Em về với để một ít lâu, uống thuốc. Anh thu xếp trên này cho ổn, rồi lại xuống đón em lên.

« Bộ anh thì thu với xếp gì. Thu xếp được đã chẳng đến nỗi này. Tôi chỉ cầu cho đánh thán tôi, chứ anh như thế thì còn trông mong gì. Người ta đã muốn chiếm con tôi, thì tôi mang hân nó đi, xem đã làm gì nào ? » Quì nghĩ thầm. Nằm chung một giường, nói chuyện đủ dể, mà đôi vợ chồng nghĩ khác hẳn nhau. Anh chồng thực thà, vì thiên cận ; chị vợ lẽ đã mang ý tưởng chia ly.

Mậu tiếp :

— Chị ấy nóng tính, nhưng không phải là người độc ác. Chỉ khéo chiều một tí là êm chuyện. Đề anh liệu khuyên bảo chị ấy. Thế nào rồi cũng ổn thỏa. Em chỉ lánh đi ít ngày, rồi anh lại đón lên.

Quì cười thầm về ý nghĩ thiên cận của chồng. « Phải, khéo chiều là êm chuyện, anh cứ chiều đi, còn tôi đây, tôi không chiều thế được. Tôi cũng không cần về cái nhà này. »

Nàng bảo chồng :

— Tôi đi thì tôi mang cả thằng Tinh đi.

Mậu ngăn ngừa. Quì đi là việc dễ dàng, nhưng mang Tinh đi thì khi khó. Chính chàng cũng không muốn đưa con rời khỏi nhà này.

— Mang nó đi làm gì. Em còn cần tĩnh dưỡng, lấy ai trông nom cho nó thêm bận ra. Đề nó ở đây hơn. Chỉ ít lâu rồi em lại lên mà.

Tất cả thâm ý của Quì ở điều ấy, không mang theo được Tinh, thì nàng đi thành chẳng nghĩa lý gì. Nàng sát lại gần chồng :

— Bận gì ? cho cả con vú xuống. Thì chỉ ít lâu em lại mang nó lên, không có nó thì em buồn chết.

Mậu vẫn lưỡng lự :

— Em mà đem nó đi thì lại sinh chuyện. Lối thôi lắm !

Quì quàng một tay qua ngực Mậu :

— Anh sợ chị ấy thế kia à ? không lối thôi đâu.

— Sợ thì không sợ, nhưng muốn cho êm nhà, chị ấy chắc không muốn cho Tinh đi.

Trong bóng tối, Quì bấu mồi. Nàng tỏ vẻ :

— Anh sợ thế thì lừa lúc nào chị ấy đi vắng, em bế Tinh đi, cho cả con vú đi theo. Chị ấy biết thì đã muộn. Em đi rồi.

Nàng nghĩ thêm : « Rồi mặc sác anh, cho mà cãi nhau. » Cảnh tay nàng ôm Mậu mạnh hơn.

Mậu cười xê xê, ấp một tay lên vai Quì :

— Thế ngộ chị ấy đuổi theo, xuống dưới ấy bắt nó lên thì sao ?

Quì quả quyết :

— Lúc ấy hãy hay. Không sợ, đã có đề.

Nàng chắc hẳn ra khỏi nhà này, về với mẹ, thì người chị không dám động tới nàng.

— Nhé, anh nhé ?

Mậu đã mềm :

— Ừ, em tính cũng thông đấy. Đề nghĩ kỹ xem đã.

Qui nững nịu :

— Còn phải nghĩ gì nữa. Chắc được lắm rồi, anh ạ. Anh nghe em !

Mậu không còn sức phản kháng

Bà mậu đi chơi về, tự nhiên thấy một cảm giác là lạ. Trong nhà khác mọi ngày, như thiếu một cái gì. Bà Mậu chưa biết rõ là cái gì, nhưng thấy lạnh lẽo, trống trải.

Nhà vắng tanh như một gian chùa không phải ngày tuần tiết. Mậu ngồi cúi mặt xuống bàn, hai tay ôm lấy đầu không nhúc nhích, như một đồ vật bỏ quên đấy từ bao giờ. Người vợ chưa từng thấy chồng có dáng điệu ấy. Bà Mậu bỡ ngỡ nhìn quanh gian nhà, nhìn đến cái nôi, bà bỗng giật mình, xuất người rung chuyển như một luồng điện.

Cái nôi để chơ cả lẫn mây đây, không có một cái tã, lót. Cái màn phủ bên trên cũng biến đi đâu. Bà Mậu đi vội vào buồng : Qui và Tinh không có đấy. Bà lật đặt ra sân, xuống bếp, con sen đương làm cơm.

— Chú Tinh đâu ?

— Thừa mợ..., thừa...

Nó không nói hết. Bà Mậu gắt :

— Thừa, thừa cái gì ? Chú Tinh, cô hai, con vú đâu ?

Con sen lại càng luống cuống. Nó ấp úng loanh quanh như muốn che đậy, dấu diếm một sự gì.

— Thừa mợ...

Bà Mậu quay ngoắt lên nhà. Mậu vẫn ngồi như khi nấy. Người vợ vội tiến đến bên cạnh :

— Chúng nó đâu ?

Mậu im lìm, hai tay vẫn giữ đầu. Người vợ dang tay chống :

— Chúng nó đi đâu ?

Mậu lấy lại dáng điệu cũ, đứng đĩnh :

— Chúng nó đi rồi.

Người vợ như không hiểu :

— Ô hay ! Đi đâu, chúng nó đi đâu ?

— Mẹ con nó đưa nhau xuôi rồi.

Người vợ quá ngạc nhiên, chăm chăm nhìn Mậu. Mậu đứng dậy vào buồng. Vợ theo vào :

— Thế là nghĩa lý gì. Sao nó lại xuôi, ai cho nó đi.

— Tôi cho nó đi.

Thật là quá sức tưởng tượng. Người vợ ngờ ngác cố hiểu cái trường hợp đột ngột ấy :

— Cậu cho chúng nó đi. Sao cậu lại cho chúng nó đi ? Thật là lạ quá. Sao đương yên lành cậu lại cho nó bẽ thẳng Tinh đi mới được chứ ? khi ? Thế là nghĩa làm sao ? Sao cậu không nói cho tôi biết, không bàn bạc gì với tôi cả, nhè lúc tôi đi vắng cậu cho chúng nó bồng bế nhau đi ? Sao chúng nó lại đi ? Việc gì ở nhà mà nó phải về ? Thế là ra làm sao ?

Người vợ nói huyền thiên, chẳng còn mạch lạc gì. Những câu nói dồn dập xô ra như nước tràn vào khúc đê vỡ. Bà theo sau Mậu, hồi hồn cho ra :

« Tại sao chúng nó đi. » Vào trong buồng Mậu bỗng quay lại : hai vợ chồng đương sững trước mặt nhau. Mậu nhìn thẳng vào mặt vợ :

— Chúng nó đi, tôi cho chúng nó đi, chứ sao ?... Ở với nhau không được, thì nó phải bế con nó, nó seo. Ở đây đề mà cãi nhau, ba ngày hai trận không ai chịu được. Không chịu được nhau thì mỗi người một phương, cả thẳng này rồi cũng đến đi nốt : Có thể mới yên được. Nó ở đây đề mà làm khổ nó à ?

Mậu có vẻ hần học với vợ, càng nói càng tức thêm. Nét mặt người vợ tái dần, bây giờ thì bà hiểu rõ ràng Mậu đã cho Qui bế Tinh đi, vì chuyện sô sát mấy hôm trước. Chồng và vợ lẽ đã chửi tinh công việc giấu bà.

— Cậu nói hay chữa. Tôi làm khổ gì nó ?

— Không làm khổ mà thế à. Việc gì mà con nó lại không cho nó săn sóc, muốn nằm với con nó cũng không được. Coi nó như con em, con ở, nói nó không còn tiếc lời. Cũng một vừa hai phải thôi quá lắm nó không chịu được. Tôi nói ra thì lại cho tôi là bênh nó, lại ầm cửa ầm nhà. Chẳng thả cho nó bồng bế nhau đi như thế cho xong !

— Tôi nào khinh nó ? Nó không biết trông con, thì tôi bảo nó không biết trông con. Như thế mà cậu cho là khinh, là hành hạ nó à ? Ừ, nó muốn đi thì nó đi, ai giữ, nhưng sao không để thẳng Tinh ở đây. Cậu không thấy đấy à ? Nó trông nom sao được trẻ. Thằng Tinh...

— Đã có vú, đã có đề, nó không trông được, thì có người khác. Không phải chỉ ở cái nhà này mới có người trông nom thẳng Tinh. Con nó, nó muốn tha đi đâu nó tha, không ai cấm được nó. Thời buổi này không còn như ngày xưa, mà bảo đỡ quyền mẹ già với mẹ trẻ : Ai dễ ra là con người ấy, muốn giữ, để ra mà giữ. Không ai cấm, không ai tranh.

Mậu vùng vằng ra ngoài, để mặc vợ — Nói được ngần ấy câu, người vợ không nói lại, anh chàng tưởng mình hùng biện lắm.

Mậu đang nghĩ đến Qui, đến Tinh, đang tức bực. Vợ mà cãi lại như mọi ngày, không chịu kém cạnh, thì có thể Mậu sẽ thành một đứa vũ phu. Cái tình cục cằn có thể sinh đấm đá. Vợ nhìn anh chàng cũng được đôi chút hả lòng.

Thực ra, người vợ nhịn, không phải vì sợ chồng. Bà không sợ gì Mậu, bà có thể đương đầu với những cuộc cãi cọ kịch liệt hơn. Lúc nóng lên, người đàn bà thường hung ác hơn đàn ông. Lúc ấy, bà Mậu không nóng. Bà thấy cãi vã với chồng là vô ích. Tuy chồng ra mặt bênh vợ lẽ, nói nhiều câu quá đáng, người vợ thấy chuyện ấy nhỏ nhen, không quan hệ gì. Qui bế Tinh đi, đó mới là việc lớn lao, nó làm người đàn bà, mười lăm phút sau còn đứng trơ trơ như mất hồn.

(Còn nữa)

ĐỌC QUYỀN « TUỔI XANH »

(Tiếp theo trang 23)

Trong hai trăm trang giấy khổ nhỏ tác giả đã tóm tắt rất khéo và đầy đủ tất cả những phương pháp vệ sinh trong khi nuôi con : một công trình không nhỏ. Cách sắp đặt tuy chưa được hoàn hảo song đã gọn gàng sáng suốt lại thêm lời văn giản dị lưu loát nên khi đọc song dễ nhớ, dễ tìm.

« Tuổi xanh » là một quyển sách phổ thông về *khoa học nuôi con*, chứ không phải là một quyển sách, theo như bác-sỹ Mỹ nói ở trang đầu, để truyền bá những phương pháp thiết thực cho dân chúng. Vì những phương pháp bàn trong sách này chỉ áp dụng được trong những gia đình phong phú mà thôi.

Phần đông dân xứ ta, không kể đại đa số ở nơi thôn quê, ngay những gia đình mà ta cho là phong lưu ở nơi thành thị cũng khó lòng có đủ điều kiện để nuôi con theo phương pháp ấy.

Sự sinh hoạt một ngày một khó khăn mà lợi tức của mình chỉ có hạn có nhiều khi cả vợ cả chồng làm ăn vất vả quanh năm mà cũng chỉ đủ tiền tiêu các khoản tối cần trong gia đình.

Sự nghèo túng thiếu thốn là một trở lực lớn cho việc truyền bá vệ sinh. Vì thế cho nên cách truyền bá vệ sinh, muốn cho được kết quả tất phải tìm những phương pháp giản dị và thiết thực.

Muốn đạt được mục đích ấy, có người muốn phá hẳn những tập quán cũ, những tập quán đã do thời gian và sự nghèo khổ chung đúc nên. Muốn bỏ những tập quán ấy và thay vào những tập quán khác, thích hợp với những phương pháp vệ sinh khoa học đó là một đề đề khó khăn không thể thi hành ngay được.

Phương pháp mới cần phải có vật liệu mới mà muốn có vật liệu mới tất phải có đủ tiền tài. Tiếc thay có nhiều người rất am hiểu phần lý thuyết của phương pháp vệ sinh mà về phần thực hành phải thúc thủ.

Có đủ quần áo cho trẻ con mặc, đủ tã cho con dùng, đủ vật liệu riêng cho con lúc ăn, lúc ngủ, lúc chơi, đủ sữa, bột hạng tốt, đó là điều đáng mong cho mọi gia đình nhưng hiện nay chưa có hy vọng thực hành khắp được. Vậy phải bằng cứ vào các đồ dùng, những thực phẩm vẫn có sẵn trong nhiều gia đình

mà tìm một phương pháp để giữ cho đủ những điều cốt yếu về vệ sinh, về khoa nuôi trẻ đó là một công việc thiết thực và sẽ có ảnh hưởng xã hội sâu xa hơn.

Vì thế sau khi đọc quyền « Tuổi xanh » rất hay và khảo cứu có công phu của bác sỹ Lê-hữu-Mỹ, tôi vẫn còn mong một quyển sách phổ thông về khoa nuôi trẻ nữa — một quyển sách bằng cứ vào hoàn-cảnh sinh-hoạt của phần đông gia-đình Việt-nam.

VŨ VĂN-CĂN

Externe des hôpitaux de Hanoi

Cải chính chỗ in nhầm trong số trước

Trong bài « Đại-kỹ-nghệ », trang 5, cột nhất : « còn những nhà máy ở Nam-định và Hải-phòng trong năm 1939 đã sản xuất...2212 nghìn tấn vải... » xin đọc là...« 2212 nghìn thước vải ».

Bài « Đông-dương buôn bán với nước ngoài », trang 9, cột 1, đoạn cuối : « Xem việc buôn bán với người... » xin đọc là « với ngoài... »

— trang 9, cột 2, đoạn 7 : « năm 1939, ta chỉ còn bán hơn 44 nghìn tấn đối với 57 nghìn trong năm 1937 », xin đọc là : « ...bán hơn 446 nghìn tấn đối với 563 nghìn trong năm 1937 ».

— trang 11, hình vẽ I, ở giữa gạo 138,5 (triệu) và cao-su 95,6 (triệu) xin đọc thêm : « gạo 28,4 (triệu) và chữa « linh tinh 26,4 » ra « linh tinh 49,8 »

— trang 11 hình vẽ II, sợi tơ 4,9 (triệu), xin đọc là... 12 triệu.

— trang 23, cột 2, «...lập những cơ quan khiến cho sự kiểm soát và điều khiển của Chính-phủ được có hiệu quả ngoài ; » xin đọc là : «... lập những cơ quan khiến cho sự kiểm soát và điều khiển của Chính-phủ được có hiệu quả ; ngoài ra (kiểm duyệt) ».

Trong bài « Dân số Đông-dương.

— trang 18 cột 2 giữa 25 : « Số dân Pháp và ngoại-quốc năm 1937 », xin đọc là : « Số dân Pháp và dân ngoại quốc trừ người Nhật-bản và người Trung-hoa... »

— trang 18 cột 2 giữa 38 « 1100 ở Bắc-kỳ », xin đọc là 11.000... »

— trang 19 cột 1 giữa 37 : « 5500 trong một cây số vuông », xin đọc là « 500 trong một cây số vuông ».

...Phổ-thông mà không làm giảm giá. . .

Đó là báo THANH-NGHỊ.

Nhà doanh-nghiệp trong buổi đời mới

của NGUYỄN PHÚC-LỘC

NGUỜI bạn trẻ của tôi đã hoàn toàn trở nên một người buồn. Thực là một sự không ngờ ! Tôi thấy va không lúc nào gặp tôi là không nói đến việc buôn. Sự may mắn đưa va trúng vài việc buôn làm ra tiền. Trong lòng phần khởi, va muốn kinh doanh những việc to tát hơn, rồi một hôm va hỏi tôi rằng :

— Thế nào là một nhà doanh nghiệp ? Muốn trở nên một nhà doanh nghiệp phải có những điều kiện gì ?

Câu hỏi khó trả lời — nhưng muốn khuyến khích người bạn trẻ, tôi cũng cố đào óc giăng cho va, tuy nhiên tôi chưa hẳn phải là một nhà doanh nghiệp :

— Sống trong buổi đời mới, phải có óc mới — Muốn trở nên một nhà doanh nghiệp, khả dĩ đủ tư cách xứng đáng là một nhà doanh nghiệp mới, phải có những đức tính cần thiết sau này :

1-) Thuộc về hình thức, (*qualités physiques*). Sức khỏe là thứ cần nhất cho nhà doanh nghiệp. Nếu gầy còm thì trong công việc làm, mất sự nhanh nhẹn sức vóc : nếu yếu đuối thì càng đáng sao nỗi các việc quan trọng, cần phải làm nhiều giờ và phải dùng khối óc suy tính.

Nhà doanh nghiệp có biết bao nhiêu công việc bề bộn ngày ngày bày ra trước mắt mình mà nhất phải xem xét cho kỹ hết, phải lo lắng, phải suy tính thế nào cho giữ được mỗi địa vị đắc thắng ở chốn thương-trường. Gặp hồi kinh-tế khủng-hoảng, hay gặp lúc chiến tranh khan hàng, nhà doanh nghiệp cần phải làm việc bội hơn. Một người không có sức khỏe không thể đương nổi công việc khó nhọc nặng nề. Cho nên nếu ta may ra đã có thân thể tráng cường, sức vóc mạnh mẽ, ta phải tự giữ gìn lấy, chớ phí phạm mà hao mòn đi, tức là một điều hại rất lớn cho công việc kinh doanh của ta.

2-) Thuộc về trí thức (*qualités intellectuelles*). — Nhà doanh nghiệp mới cần phải có người học thức. Học thức phổ thông cũng chưa chắc chắn, cũng chưa lấy gì làm đủ, còn cần thêm học thức chuyên môn, như phải hiểu kỹ toán, địa dư về kinh tế, luật thương mại, luật thương chính, luật hàng hải, luật lao động, tài chính toán pháp, ngân hàng giao dịch, bưu-diện giao dịch v. v... Không những thế, còn cần phải biết chỗ nào là thị trường lớn có thể tiêu thụ hàng

hóa của mình được, chỗ nào là thô sản của thủ hàng mình muốn bán. Phải thông hiểu nói và viết được ngoại quốc, thứ nhất là tiếng Anh, để giao dịch về thương nghiệp ở bên ngoài nước mình. Phải mua nhật báo hay tạp chí về thương nghiệp, về kinh tế, cần xem luôn để thông thạo những tin tức lạ, những cách thức mới, những sự sáng tạo chưa từng thấy ở xứ mình và thuộc về thương nghiệp.

Nhà doanh nghiệp còn ần phải học khoa kinh tế. Kinh-tế học giúp ta xét đoán được trước những lúc nào xảy ra sự khủng hoảng về kinh tế ở chốn thương trường để ta biết mà tránh cho khỏi tổn hại đến sự nghiệp của ta.

Đã biết sự học là cần thiết cho sự doanh nghiệp, nhà doanh nghiệp lại cần phải thạo lược hơn chúng. Làm một ông quản-lý một thương cục cũng vì một chủ trương trong quân đội thì việc gì mình cũng phải lưu tâm đề ý đến. Việc gì cũng phải biết, biết hiểu mà làm được. Cho nên ta thường thấy các nhà tư-bản ngoại quốc, nếu họ muốn trở nên một ông quản lý, họ thường phải đi làm công ở các thương cục để tập cho quen việc.

Đến lúc làm chủ-nhân-ông rồi, thì việc gì cũng phải biết ; bác kế toán kia làm sai sổ sách, anh làm công nợ làm hỏng công việc hay làm được mà có ý « ỏe-oe ».

— « Anh đề dấy, tôi làm cho anh coi ». Ông chủ phải tỏ ra cho họ biết rằng ông chủ biết, làm việc gấp mấy họ ; nhiên hậu họ mới kinh phục mà ông chủ mới cai trị được họ.

Những thương cục nào mà không thấy phát đạt ấy là bởi người làm quản lý không đủ tư cách xứng đáng với chức vụ đó thôi.

3-) Thuộc về tâm lý (*qualités psychologiques*).

Nhà doanh nghiệp cần phải có tính thực hành, và trí sáng kiến.

Nghề buôn tức là mua hàng hóa để bán lại mà lấy lợi. Vậy tính thực hành (*sens pratique*) dạy ta phải lựa chọn lấy những mối « buôn hơi bán bỏ » tìm tòi những công việc dịch đáng ra tiền mà làm, phải tính khôn dùng để mức « hớ » trong sự mua, sự bán mà bị thiệt thòi ngay. Nếu, trong khi mua bán mà có phải bắt buộc giao kèo thì lại càng phải chú-ý cẩn thận.

xem xét rõ ràng trước đã, kéo thời giờ bất đồng rồi phải chịu thua lỗ.

Lại cần phải có trí sáng kiến (*esprit d'initiative*). Nếu hàng hóa tự nhiên thấy đọng lại, lập tức phải xét tâm lý khách hàng, chế tạo các thứ hàng mới, hoặc sáng kiến ra kiểu hàng hợp thời, đặt ở các sường chế tạo. Nói tóm lại là lúc nào cũng phải tìm cách để có nhiều hàng mới để bán và tìm nhiều chỗ tiêu thụ hàng.

Tinh trật tự (*de l'ordre*) cũng cần lắm nữa. Công việc làm phải sắp đặt cho có thứ tự, giấy má phải để cho có ngăn nắp, thì khi tìm lục đến không tốn phí mất thì giờ mà lại còn nhớ được rành mạch.

Trong đời trăm công nghìn việc phồn tạp này nhà doanh-nghiệp phải cứ yên tĩnh mà làm việc và phải có óc tự chủ — có tính tự trị mới được. Lúc nào cũng phải vui vẻ, phải biết cách sử thế, phải có tài giao thiệp rồi lại phải là một nhà tâm lý học để suy xét những người mình cần phải giao thiệp.

4.) Thuộc về luân lý (*qualités morales*). — Những đức kể trên này đã đủ đâu ! Nhà doanh nghiệp còn cần có nhiều đức khác thuộc về luân lý mà tính thực thà và lòng tin cậy là quý hơn hết. — Tính thực thà và lòng tin cậy trong việc giao thiệp tức là khuôn phép chung cho các nhà doanh-nghiệp, các nhà buôn phải tuân theo. — Nếu giờ những khoe tinh ma, những thói giao quyet, sự nghiệp tất phải lung lay. Vì, trong chốn thương trường lòng tin cậy mà để mất ; thì trăm công nghìn việc mưu vọng quyet chắc chẳng hoàn hảo được đâu.

Nhà doanh nghiệp cũng phải có một cái tuyệt đích (*idéal*) tức là phải coi nghề mình là một cái đích tối cao-thượng. Nếu nghề được như thế, thì trong công việc của mình làm mới được khoái tri, tinh thần mới phấn khởi ! Mới không chán nản về chức nghiệp của mình, mới có tinh siêng năng sức vóc, sự nghiệp của mình mới có cơ chóng thịnh vượng phát đạt.

Người bạn trẻ của tôi nghe tôi kể những đức tính của nhà doanh nghiệp, giải giòng như thế cũng lấy làm nóng ruột, buột ra nhời nói :

Tôi thường thấy có những người kinh doanh lớn hiện trong tay đã giàu hàng trăm vạn, trong số đó có người vô học xuất thân tay trắng, có người là đàn bà ở cảnh góa bụa, nào họ cũng đủ những đức tính như ông vừa kể đâu ?

Tôi đã gặp và giao thiệp với những người ấy. Họ cũng giỏi giang lắm. Họ thiếu đường học thức, nhưng họ nhiều từng trải và giàu óc thực hành. Họ không biết được cái đơn hàng, nhưng cần đến việc gì họ khéo biết dùng tiền để thuê

khuyến. Tuy nhiên, họ vẫn bị bịp bởi chứng dối nạt, vẫn bị « đánh cắp » bởi không tài kiểm soát, buồn bán chỉ theo sau người ta, làm việc chỉ quanh quẩn một nơi, bởi không trông xa biết rộng ra các nước ngoài. Nhưng xét cho kỹ tính kiên nhẫn, tính thực thà, lòng tin cậy của họ trong chốn thương trường đã đưa họ gặp những cơ hội may mà trời giúp cho tự nhiên, nên họ kiếm được lời hàng vạn trở lên thì những sự thua thiệt phi phạm vi thiếu học thức, thiếu tinh anh, thiếu trật tự, cũng không thấm vào đâu. Họ làm một mình thì được, chứ cho họ đứng đầu một công ty, làm giám đốc một đại thương cục, cần phải giao thiệp với ngoại quốc, nội trị, ngoại giao đều phải thông thạo, thì quyet là họ không đủ tư cách đâu. Những việc ấy phi nhà doanh nghiệp đủ đức tính như tôi kể trên kia không ai đương nổi. Những nhà đại doanh nghiệp ngoại quốc ở đây, những ông giám đốc các thương cục lớn, các đại kỹ nghệ, các ông chủ nhà băng, phần đông là những người có học thức chuyên môn, tốt nghiệp ở trong một những trường chuyên môn như trường Cao đẳng Thương mại (*Ecole Supérieure de Commerce*) trường Cao-học-thương-nghiệp (*Ecole des Hautes études Commerciales*) trường Cao đẳng Luật Học (đồ luật khoa tiến sĩ, có bằng về kinh tế học).

Người bạn trẻ của tôi nghe tôi nói, không kém vẻ ngạc nhiên, nhưng cũng công nhận là phải:

— Theo con đường doanh nghiệp có dễ dàng đâu ! Không học, không tập, không thể vượt hơn người.

NGUYỄN PHÚC-LỘC

Sách mới

Đã có bán :

Sự nghiệp Thống-chế « Pétain » của Bùi đình-San và Nguyễn-Phát soạn *Làm đẹp* của Nguyễn văn-Phúc do Hương-Sơn xuất bản giá 0p.65.

Người thù của mặt trời của Lan-Khai do Hương-Sơn xuất bản giá 0p.55.

Phụ-nữ thể-thao của bà Đào thị-Phụng nhà xuất bản Tri-Tri giá 1p.25.

Gan dạ đàn-bà tiểu-thuyết trinh-thám của B. H. P. Hàn-Huyền xuất bản gia 0p.40.

Thăng Cu So do Hàn-Huyền xuất bản.

Việt-nam Văn-học tập nhất của Ngô tất-Tố do Mai-Lĩnh xuất bản giá 0p.80.

LỀU CHỒNG : của Ngô Tất-Tố, do Mai-Lĩnh xuất bản, giá 1p.95.

CÁI MÁY LÀM THƠ, do Trúc-Thân trình bày. Giá 0p.30.

TẢN ĐÀ VẠN VẦN Tập nhất của Nguyễn Khắc-Hiếu, do Hương-Sơn xuất bản. Giá 0p.55.

VIỆC PHỤC HƯNG TIÊU CÔNG-NGHỆ Ở PHÁP

(Tiếp theo trang 19)

Những công-nghệ hợp-tác xã

Muốn sự tổ chức về thương mại được nhiều kết quả và muốn có thể cạnh tranh với kỹ-nghệ, các thợ công-nghệ cần phải hợp lại thành những hợp-tác-xã để mua chung những nguyên liệu được rẻ, để cùng tổ chức việc bán cho đỡ lộn và có hiệu quả, để cùng chế hóa những vật liệu cần dùng, để vay chung tiền của chính-phủ hay để làm chung bất cứ một việc gì về phương-diện nghệ nghiệp

Những việc đó, không ở phạm vi hoạt-động của nghiệp-đoàn vì luật pháp không cho phép các nghiệp-đoàn được làm một việc gì để lấy lãi và chia lãi cho các hội-viên. Nghiệp-đoàn chỉ có thể trợ-cấp những hợp tác-xã.

Xem thế thì biết, cái then chốt của việc phục hưng tiêu công-nghệ ở Pháp là T. L. D.T.C. N. Ở bên cạnh T.L.D.T.C.N. còn có những phòng công-nghệ (chambre des Métiers) cơ quan do Chính-phủ thiết lập ở mỗi quận và gồm những đại-biểu thợ-chủ và thợ-bạn trong các ngành công-nghệ.

Song các phòng công-nghiệp chỉ có một chức vụ là tổ bày những ý kiến khi Chính-phủ định thi-hành một việc gì có liên can đến tiêu công-nghệ và tổ bày những nguyện vọng của phái công-nghệ với Chính-phủ. Còn bao nhiêu công việc tổ-chức về thực-tế (lập hợp tác xã, lập những cơ-quan tập nghề, việc quảng-cáo v. v.) cùng sự tranh đấu để được hưởng những điều lợi như việc lập quỹ công-nghệ đều do T.L.D. T.C.N. chủ trương hoặc khởi xướng.

Gần đây thống-chế Pétain đã ghi việc khuếch trương tiêu công-nghệ trong chương-trình phục-hưng kinh-tế ở Pháp. Từ nay Chính-phủ sẽ hoạt động trực tiếp để giúp đỡ dân công-nghệ. Hai sắc lệnh 24 Novembre và 25 Novembre 1941 đã thiết lập những « phòng thợ công-nghệ » (chambre des artisans) để thay những phòng công-nghiệp. Phòng thợ công-nghệ từ nay sẽ chủ-trương cả những việc thực-tế như việc lập các hợp tác xã để mua nguyên liệu và bán đồ hàng, việc tập nghề, việc dùng nhân-công, việc xét những nhãn hiệu, việc cấp bằng thợ-chủ, v. v... Một ban tiêu công-nghệ đã đặt ở Bộ Lao-Động để điều khiển sự hoạt động những phòng thợ công-nghệ và xét những vấn-đề can hệ đến nền tiêu công-nghệ trong cả nước.

Tài liệu bài này rút trong cuốn « L'Artisanat » của Delage, trợ bút báo Echo de Paris.

VŨ ĐÌNH HÒE

HÃY TÌM TRONG QUYỀN

THI-NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN soạn

- Những bài thơ hay trong mười năm nay
- Những điều cần biết về phong-trào thơ mới và các nhà thơ mới (có ảnh và tiểu sử các thi-sĩ)
- Một lối phê bình không có cái đạo mạo của văn phê bình
- Một lối nghiên-cứu không có cái nặng-nề của văn nghiên cứu

400 trang, 36 bức ảnh, giá 3p.

Hỏi các hàng sách hay viết thư cho :

M. NGUYỄN-ĐỨC-PHIÊN, Boite postale 34 Hué

GLYCÉRINA : thuốc đánh răng do bác-sĩ chế tạo; trắng, bóng lợi đỏ, thơm miệng, mát cổ
không hại men răng

BÁN TẠI:

Các hiệu tạp hóa. 0\$35

BUÔN TẠI:

Hãng dệt tricots, chemisettes, pull'overs

PHUC-LAI

87-89, Route de Hué Hanoi -- Téléphone: 974

DENTFRICE MICROBICIDE



GLYCÉRINA

BÁC - SĨ
DẶNG - VŨ - HỸ

nguyên nội trú tại nhà thương
St LAZARE A PARIS



CHỮA CÁC BỆNH
CHUYÊN MÔN CHỮA bệnh
HOA LIẾU và bệnh đàn bà

Giờ khám bệnh
CÁNG TỪ 6 GIỜ ĐẾN 12 GIỜ
CHIỀU TỪ 3 GIỜ ĐẾN 7 . GIỜ



18, Rue Richaud. Hanoi
(đầu ngõ Hội-Vũ) — Tél. 242

Chè tẩy không đau bụng.
Dùng ít nhuận tràng,
thông tễu tiện. Dùng
lâu khỏi hẳn bệnh táo,
mụn, nhọt, lở, ngứa,
làm cho da trắng
và mịn. Rất hợp
với tạng đàn bà.



TISALAXA

Bán tại :
Pharmacie

TÍN
HANOI

và các hiệu thuốc lớn ở
ĐÔNG-PHÁP

ĐÃ CÓ BÁN :

NỤ CƯỜI

Sách HOA MAI của NAM - CAO
Giá 0p.10

Đọc xong cuốn « NỤ CƯỜI » của
Nam-Cao, các bạn sẽ thấy trong lòng
vui vẻ, yêu đời, thấy cả cuộc đời dấm
nhuộm màu tươi sáng.

Nhà xuất bản **CỘNG - LỰC**
N° 9 rue Takou, Hanoi Tél. 962

Các em gầy còm, sanh xao, lâu
nhớn nên đòi cho được:

Kẹo thuốc TONIGOSS (1\$20)
có chất lọc ở trứng gà và chất
calcium lấy ở xương nhùng.

Các bà có trẻ bé trong nhà nên mua sẵn :

thuốc SIROP ENFANCE (1\$20)
phòng và trị các bệnh tiêu nhi: nôn, chớ, ăn
không tiêu, khó ngủ hay mếu khóc vãn vãn...

Bán tại :

PHARMACIE VŨ-ĐỖ-THÌN
Hanoi và đại-lý các tỉnh

BẢO MỐI

Chúng tôi mới nhận được số đầu
bảo Khoa-học do một bạn biên - tập
có danh-tiếng chủ-trương.gồm những
giáo-sư, kỹ-sư, bác-sĩ, dược-sĩ v. v. .

Xin kính chào bạn đồng nghiệp
mới và vui lòng giới-thiệu với các
bạn đọc.

HÃY ĐÓN COI :

BỐC DỒNG

Tiểu thuyết của Đỗ Đức-Thu

Nhà xuất bản **NGUYỄN-DU**